TRƯỜNG TH, THCS, THPT
NGÔ THỜI NHIỆM

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 – NĂM HỌC 2025 – 2026

MÔN TOÁN 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI 90 PHÚT

Học vấn môn học		**Năng lực toán học**								
Chủ đề	**Nội dung**	**NL tư duy và lập luận toán học**			**NL giải quyết vấn đề toán học**			**NL mô hình hóa toán học**		
		Cấp độ tư duy			**Cấp độ tư duy**			**Cấp độ tư duy**		
		Biết	**Hiểu**	**VD**	**Biết**	**Hiểu**	**VD**	**Biết**	**Hiểu**	**VD**
Hàm số Mũ – Lôgarit	Phép tính lũy thừa, logarit	**TN1**								
	Hàm số mũ – lôgarit	**TN2**								
	PT, BPT mũ và lôgarit		**TN3**		**1ab- ĐS**	**1cd - ĐS**				
Đạo hàm	Đạo hàm		**TN4**					**2ab - ĐS**	**2c - ĐS**	**2d - ĐS**
	Quy tắc tính đạo hàm.		**TN5**		**TL _ 1a** *(0. 5đ)*	**TL _ 1b** *(0. 5đ)*	**TL _ 2** *(0. 5đ)*			
Xác suất	Biến cố giao và quy tắc nhân xác suất	**TN6**	**TN7**					**3ab - ĐS**	**3c - ĐS**	**3d - ĐS**
	Biến cố hợp và quy tắc cộng xác suất		**TN8**							
Quan hệ vuông góc trong KG	Hai đường thẳng vuông góc	**TN 9**								

	Đường thẳng vuông góc mặt phẳng	**TN 10**								
	Hai mặt phẳng vuông góc		**TN 11**							
	Thể tích chóp, lăng trụ..					**TL _ 3a** *(0,75đ)*		**4ab - ĐS**	**4cd- ĐS**	
	Góc giữa đường và mặt, Khoảng cách..	**TN 12**					**TL _ 3b** *(0,75đ)*			
số câu/ý		**06**	**06**		**03**	**03**	**02**	**06**	**04**	**02**
Điểm		1,5	1,5		1	1,5	1,5	1,5	1	0,5
Tổng		**Biết = 1,5+1+1,5=4**			**Hiểu = 1,5+2+1=4,5**			**Vận dụng = 1+0,5=1,5**		

TRƯỜNG TH, THCS, THPT
NGÔ THỜI NHIỆM

MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 – NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN TOÁN 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI 90 PHÚT

Học vấn môn học			Năng lực toán học								
Chủ đề	Nội dung	Mức độ đánh giá	NL tư duy và lập luận toán học			NL giải quyết vấn đề toán học			NL mô hình hóa toán học		
			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy		
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
Hàm số Mũ – Lôgarit	Phép tính lũy thừa, logarit	**Nhận biết:** - Nhận biết được khái niệm luỹ thừa, logarit - Biết kết quả các phép tính về luỹ thừa và logarit.	**TN1**								
	Hàm số mũ – lôgarit	**Nhận biết:** - Nhận biết được hàm số mũ và hàm số lôgarit. - Nắm được TXĐ và TGT của được hàm số mũ và hàm số lôgarit.	**TN2**								
	PT, BPT mũ và lôgarit	**Nhận biết:** - Biết công thức nghiệm của phương trình và bất phương trình mũ, lôgarit cơ bản…. **Thông hiểu:** - Giải được phương trình mũ, phương trình lôgarit ở dạng đơn giản. - Giải được bất phương trình mũ, bất phương trình lôgarit ở dạng đơn giản….		**TN3**		**1ab- ĐS**	**1cd - ĐS**				
Đạo hàm	Đạo hàm	**Thông hiểu** - Tính vận tốc của một vật. - Tính hệ số góc của tiếp tuyến.		**TN4**					**2ab - ĐS**	**2c - ĐS**	**2d - ĐS**

	Quy tắc tính đạo hàm	**Nhận biết** - Nhận biết định nghĩa, công thức tính đạo hàm. - Tính đạo hàm của hàm số sơ cấp cơ bản. - Tính đạo hàm của hàm số tổng, hiệu. - Tính đạo hàm của hàm số tại một điểm. **Thông hiểu** - Tính đạo hàm cấp hai của hàm số. - Tính đạo hàm của hàm số tích, thương. - Tính đạo hàm của hàm hợp. - Viết phương trình tiếp tuyến của đường cong tại một điểm. **Vận dụng** - Ứng dụng đạo hàm để giải quyết vấn đề liên quan đến môn học khác như tìm gia tốc, vận tốc của vật chuyển động, bài toán thực tế…. - Tìm đạo hàm của hàm số, các bài toán liên quan… - Viết phương trình tiếp tuyến biết tiếp tuyến song song vuông góc.		**TN5**		**TL _ 1a** *(0.5đ)*	**TL _ 1b** *(0.5đ)*	**TL _ 2** *(0.5đ)*			
Xác suất	Biến cố giao và quy tắc nhân xác suất	**Nhận biết** - Nhận biết được khái niệm biến cố giao; biến cố độc lập, biến cố xung khắc. **Thông hiểu** - Tính xác suất của biến cố giao trong trường hợp biến cố độc lập. - Tính xác suất bằng cách sử dụng sơ đồ cây. **Vận dụng** - Tính xác suất có áp dụng công thức tổ hợp. - Bài toán thực tế sử dụng quy tắc nhân xác suất.	**TN6**	**TN7**					**3ab - ĐS**	**3c - ĐS**	**3d - ĐS**

	Biến cố hợp và quy tắc cộng xác suất	**Nhận biết** - Nhận biết được khái niệm biến cố hợp. - Phát biểu bằng lời biến cố. **Thông hiểu** - Tính xác suất của biến cố hợp. **Vận dụng** - Tính xác suất có áp dụng công thức tổ hợp. - Bài toán thực tế sử dụng quy tắc nhân xác suất.		**TN8**								
Quan hệ vuông góc trong KG	Hai đường thẳng vuông góc	**Nhận biết:** - Nhận biết được khái niệm góc giữa hai đường thẳng trong không gian. - Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc trong không gian.	**TN9**									
	Đường thẳng vuông góc mặt phẳng	**Nhận biết:** - Nắm được định nghĩa đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. - Xác định được đường vuông góc với mặt.	**TN10**									
	Hai mặt phẳng vuông góc	**Thông hiểu:** - Tính chất cơ bản về hai mặt phẳng vuông góc. - Tính chất cơ bản của hình lăng trụ đứng, hình hộp,…		**TN11**								
	Khoảng cách	**Nhận biết** - Tính thể tích khối chóp, lăng trụ khi biết diện tích đáy và chiều cao. - Tính thể tích khối lập phương, khối hộp chữ nhật, khối chóp cụt đều. **Thông hiểu** - Tính thể tích khối chop, lăng trụ….. **Vận dụng** - Tính khoảng cách từ điểm đến mặt phẳng. - Tính khoảng cách từ đường thẳng đến mặt phẳng song song.						**TL – 3b** *(0.75đ)*	**4ab - ĐS**	**4cd-ĐS**		

		- Tính khoảng cách giữa hai mặt phẳng song song. - Tính khoảng cách giữa hai đường thẳng chéo nhau - Các dạng bài toán tìm góc….									
	Góc giữa đường và mặt	**Nhận biết** - Xác định góc giữa cạnh bên và mặt đáy của hình chóp. **Thông hiểu** - Tính góc giữa cạnh bên và mặt đáy của hình chóp, thể tích ….	**TN12**				**TL _ 3a** *(0.75đ)*				
Tổng số câu/ý			**06**	**06**		**03**	**03**	**02**	**06**	**04**	**02**

Tổ Trưởng

Lê Văn Thiện

SỞ GD&ĐT TP HỒ CHÍ MINH **TRƯỜNG NGÔ THỜI NHIỆM** **TỔ NGỮ VĂN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập – Tự do – Hạnh phúc*** **---------o0o----------**

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2025 – 2026

MÔN NGỮ VĂN 11

Thời gian : 90 phút

I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ:

1. Kiến thức: Đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức kĩ năng về nội dung kiến thức đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 11: Kiến thức tiếng Việt, Làm văn, Văn học.

2. Kĩ năng: Đọc hiểu văn bản thơ có yếu tố tượng trưng, viết bài văn NLVH để làm bài kiểm tra trong thời gian 90 phút.

3. Thái độ: Đánh giá thái độ học tập và nhận thức của học sinh.

4. Đánh giá các năng lực hình thành qua kiến thức và kĩ năng: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tạo lập văn bản, năng lực ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mĩ.

II. XÁC ĐỊNH CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG:

1. Kiến thức phần Đọc: Đọc một văn bản thơ trữ tình có yếu tố tượng trưng.

2. Kiến thức phần Viết: Viết bài văn nghị luận về một bài thơ (khoảng 600 chữ)

III. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:

1. Hình thức: Tự luận (100%)

2. Cách thức tổ chức kiểm tra: Học sinh làm bài kiểm tra tập trung trong 90 phút.

IV. THIẾT LẬP KHUNG MA TRẬN:

STT	Kĩ năng	Nội dung	Mức độ nhận thức	Tổng

		Đơn vị kiến thức	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		% điểm
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	**Đọc**	Văn bản thơ trữ tình có yếu tố tượng trưng.	0	2	0	2	0	1	0	0	**60**
2	**Viết**	Viết bài văn nghị luận về một bài thơ/ đoạn thơ	0	1	0	1	0	2	0	1	**40**
Tổng			***0***	***30***	***0***	***30***	***0***	***30***	***0***	***10***	**100**
Tỉ lệ %			**30%**		**30%**		**30%**		**10%**		
Tỉ lệ chung			**60%**				**40%**				

V. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA:

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ cần nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
I. ĐỌC	**THƠ TRỮ TÌNH** ***(Văn bản ngoài SGK cả 3 bộ)***	**Nhận biết** - Nhận biết được thể thơ, nhân vật trữ tình, trong bài thơ. - Nhận biết được từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ/ đoạn thơ liên quan đến đối tượng, sự việc … - Nhận biết được yếu tố tượng trưng trong bài thơ.	**2 câu**			

		Thông hiểu - Phân tích, lí giải được vai trò của yếu tố tượng trưng trong bài thơ. - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ. - Lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ. - Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong bài thơ.		**2 câu**		
		Vận dụng - Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân về những vấn đề văn học hoặc cuộc sống. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ bài thơ.			**1**	
Tổng	***6.0***		*Số điểm:* ***1,5***	*Số điểm:* ***3,0***	*Số điểm:* ***1,5***	*Số điểm:* ***0,0***
II. VIẾT	**VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ/ ĐOẠN THƠ** **(*Từ ngữ liệu đọc*)**	**Nhận biết** - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, loại hình nghệ thuật,… của tác phẩm. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. **Thông hiểu** - Trình bày được những nội dung khái quát của bài thơ. - Nêu và nhận xét về nội dung,về một số nét nghệ thuật đặc sắc.				

		- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. **<u>Vận dụng</u>** - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc. - Thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm. **<u>Vận dụng cao</u>** - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. - Cảm nhận mới mẻ, hành văn độc đáo, có dấu ấn cá nhân.				
Tổng	***4.0***		*Số điểm* ***0,5***	*Số điểm* ***2,0***	*Số điểm* ***1,0***	*Số điểm* ***0,5***
I + II	***10.0***		***2,0***	***5,0***	***2,5***	***0,5***

TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT
NGÔ THỜI NHIỆM
TỔ NGOẠI NGỮ

KHUNG MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI KỲ 2
Môn: Tiếng Anh 11
Năm học 2025-2026

Thời gian làm bài: 60 phút

Hình thức: Trắc nghiệm khách quan có 4 lựa chọn + Nghe + Tự luận

STT	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC						Tổng số câu	
		NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG			
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1.	Listening to specific information		3				2	**0**	**5**
2.	Wordform		2		1			**0**	**3**
3.	Sentence combination				1		1	**0**	**2**
4.	Verb tenses		2		1			**0**	**3**
5.	Rewrite the sentences						2	**0**	**2**
1.	Complete an announcement/ advertisement	3		3				**6**	**0**
2.	Complete a leaflet/ flyer	3		3				**6**	**0**
3.	Utterance arrangement	2						**2**	**0**
4.	Letter / email arrangement	1						**1**	**0**
5.	Paragraph arrangement	2						**2**	**0**
6.	Cloze text					5		**5**	**0**
7.	Reading comprehension 1 (8 Qs)	1		7				**8**	**0**
8.	Reading comprehension 2 (5 Qs)	1		4				**5**	**0**
TỔNG		**13**	**7**	**17**	**3**	**5**	**5**	**35**	**15**
TỈ LỆ		**40%**		**40%**		**20%**			

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II – KHỐI 11 – BRIGHT (2025-2026)

TT/phân công GV	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kĩ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Biết	Hiểu	Vận dụng
PHẦN TỰ LUẬN						
1.	**Nghe**	**Nghe thông tin chi tiết**	**Biết** - Nghe được các thông tin về hoạt động, người tham gia, thời gian, số lượng, nơi chốn, … **Hiểu** - Dự đoán thông tin cần điền; nghe hiểu và chọn đúng thông tin.	**3 TN**		**2 TN**
2	**Viết (Tự luận)**	**Từ loại**	**Biết** **Xác đinh từ loại dựa vào trật từ trong câu.** Vary→variety /various Infect→infection/infectious Prevent→ preventive/ prevention **Hiểu** **Xác định từ loại dựa trên vị trí đồng thời kết hợp phân biệt nghĩa để hoàn thành câu** Stress→ stressed/ stressful Believe→unbelievable/ believable Health→unhealthily/healthily Consume→ consumer(s)/ consumption	**2 TL**	**1 TL**	
3		**Nối câu**	**Nối 2 câu sử dụng từ cho sẵn** **Hiểu** 1**. perfect participle** thể hiện thứ tự 2 hành động 2. Dùng mệnh đề quan hệ với **whose**		**1 TL**	1 **TL**

			Vận dụng 3. Nối câu dùng mệnh đề quan hệ kết hợp rút gọn sử dụng past participle **V3/ed**			
4		**Chia động từ**	**Biết** 1. thì **TLĐ** đơn trong câu điều kiện loại 1 2. Hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ **(trong mệnh đề quan hệ, thì hiện tại đơn)** **Hiểu** 3. Chia động từ **To V/Ving/V3/ed** trong mệnh đề quan hệ rút gọn.	**2 TL**	**1 TL**	
5		**Viết lại câu**	**Vận dụng:** 1. Câu tường thuật sự dụng động từ **deny/advise/accuse và perfect gerund** 2. Chuyển đổi cấu trúc chủ động sang bị động của **Should/have to** 3. Viết lại câu với động từ khuyết thiếu cho sẵn (***vd*** **not allowed →mustn't** và **had better**)			**2 TL**
PHẦN TRẮC NGHIỆM						
1.	**ĐỌC ĐIỀN TỪ**	**QUẢNG CÁO**	**Hiểu** - **Từ loại** *(apply/ applications, know/knowledge,reduce/reduction……)*		**1**	
			Biết - **Trật tự từ: cụm danh từ** *Chủ đề và từ vựng unit 7,8*	**1**		
			Biết - **Giới từ** Keep sb safe **from,** ….(unit 7,8)	**1**		
			Hiểu - **Từ vựng** *(chủ đề unit 7,8)*		**1**	

			Biết - **Đại từ quan hệ**	**1**		
			Hiểu - **Từ vựng** *(chủ đề unit 7,8)*		**1**	
2		**TỜ THÔNG TIN (leaflet, flyer)**	**Biết** - **Hạn định từ _ từ chỉ số lượng** ***(****Many/ much/each/some…)* *(A great deal of/A few/A large number of/A wide range of…)*	**1**		
			Hiểu - **Cụm động từ** *Look for/ hang up/ take up/ give up/ be made up of)* *hang on/ hang out/hang up/ hang in (there)*		**1**	
			Hiểu - **Từ vựng-** *unit 7, 8* *(remedy/alternative/portion/ nutrition/ herbs* *boost/ apply/ enhance/ mitigate* *Imminity / disgest/life expectancy/ health condition)*		**1**	
			Biết - **Cụm từ cố định** *(play a crucial role, improve immunity system..)*	**1**		
			Biết - Rút gọn mệnh đều quan hệ dùng hiện tại **phân từ và quá khứ phân từ**	**1**		
			Hiểu **- Liên từ**		**1**	
3.	**SẮP XẾP**	**HỘI THOẠI**	**Biết** sắp xếp đoạn hội thoại 3 câu (*making an agreement/ disagreement) -unit 8*	**1**		
4		**HỘI THOẠI**	sắp xếp đoạn hội thoại 5 câu *(asking for and giving advice)- unit 7*	**1**		

5	**TRẬT TỰ CÂU**	**LÁ THƯ/ MAILS**	sắp xếp 6 câu trong lá thư/ email- *có từ nối*	**1**		
6		**ĐOẠN VĂN**	Sắp xếp 5 câu đoạn văn *có từ nối*	**1**		
7		**ĐOẠN VĂN**	Sắp xếp 5 câu đoạn văn (*hạn chế từ nối, dựa vào dịch hiểu nghĩa*)	**1**		
8	**ĐỌC ĐIỀN TỪ**	**ĐỌC ĐIỀN TỪ (phrases+ clauses)**	**Vận dụng** 1. Chọn câu đơn phù hợp nghĩa 2. Hoàn thành đoạn văn bằng mệnh đề quan hệ 3. Chọn mệnh đề trạng ngữ phù hợp nghĩa 4. Cụm từ có nhân xưng phù hợp. 5. Phân từ hoàn thành			**1** **1** **1** **1** **1**
9	**ĐỌC HIỂU**	**ĐỌC HIỂU ĐOẠN VĂN 1 (8 Qs) (around 280 words)**	**Biết** 1. Câu hỏi chi tiết dựa vào từ khoá. **Hiểu** 2. Từ đối nghĩa 3. Từ đồng nghĩa 4. Từ gạch chân nhân xưng 5. Đoạn văn nào chứa thông tin A 6. Đoạn văn nào chứa thông tin B 7. Viết lại câu được gạch chân trong đoạn văn-best paraphrase 8. Câu hỏi suy luận (can be inferred from the passage)	**1**	**1** **1** **1** **1** **1** **1** **1**	
10		**ĐỌC HIỂU ĐOẠN VĂN 2 (5 Qs) (around 250 words)**	**Biết** 1. Not mentioned **Hiểu** 2. Từ gạch chân nhân xưng 3. Tìm vị trí phù hợp cho câu văn được cho 4. Tìm câu đúng theo đoạn văn 5. Tìm câu True dựa trên bài văn	**1**	**1** **1** **1** **1**	

Tổng câu trắc nghiệm: 35 câu	13	17	5
Điểm trắc nghiệm: 7 điểm (0.2 điểm / câu)	2.6	3.4	1
Tổng câu tự luận: 15 câu (Nghe: 5 câu + Viết: 10 câu)	7	3	5
Điểm tự luận: 3 điểm (Nghe: 0.2 điểm / câu + Viết: 0.2 điểm / câu)	1,4	0,6	1
TỶ LỆ %	**40**	**40**	**20**

***Các câu hỏi từ vựng, ngữ pháp trong ngữ cảnh bài đọc có thể linh hoạt theo nội dung đoạn văn, nhưng cần đảm bảo mức độ theo yêu cầu ma trận và nội dung bám sát unit 7,8 Bright 11.**

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Môn: Vật lí 11 – Kì kiểm tra cuối học kì II

Năm học: 2025-2026

1. MA TRẬN

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Cấp độ tư duy - Mức độ đánh giá									Tổng số câu		Điểm số
			PHẦN I (16 câu TN)			PHẦN II (12 câu TN ĐS)			PHẦN III (Tự luận 3 câu)					
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	TL	TN	Tổng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	ĐIỆN TRƯỜNG	Lực tương tác tĩnh điện giữa hai điện tích. Điện trường	1 C1	1 C2									2	0,5
		Thế năng điện. Điện thế	1 C3	1 C4		2 ĐS1a-1b	1 ĐS1c	1 ĐS1d*-BT					6	1,5
		Cường độ dòng điện	2 C5,6		2 C7,C8	2 ĐS2a-2b	1 ĐS2c	1 ĐS2d*-BT		TL-C1a 0,5	TL-C1b 0,5	1	8	3,0
		Điện trở. Định luật Ohm	2 C9,10	1 C11	2 C12,C13				TL-C2a 0,5	TL-C2b 0,5		1	5	2,25
		Nguồn điện	2 C14,15		1 C16	2 ĐS3a-3b	1 ĐS3c	1 ĐS3d-BT		TL-C3a 0,5	TL-C3b 0,5	1	7	2,75
2	Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)		8TN	3TN	5TN	6TN	3TN	3TN	TLC1- C2- C3			3	28	
3	Tổng số điểm		4,0 điểm			3,0 điểm			3,0 điểm					10 điểm

Ghi chú: + Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại phần I và phần III là một lệnh hỏi; mỗi ý hỏi tại Phần II là một lệnh hỏi.

+ ***(*) là vận dụng cao.***

+ ***Phần 1:*** 16 câu (Lý thuyết) – 4,0 điểm

+ ***Phần 2:*** 3 câu TN – 12 ý (09 ý lý thuyết + 03 ý bài tập)

+ ***Phần 3:*** 3 câu Tự Luận – 3,0 điểm

ĐỊNH HƯỚNG PHẦN 3 – TỰ LUẬN 3 ĐIỂM

Câu 1(1 điểm): Cường độ dòng điện

<u>Dạng 1:</u> Cho đồ thị của hai dòng điện không đổi

a) Tính điện lượng đi qua tiết diện thẳng trong khoảng thời gian từ t_1 đến t_2.

b) Cho một trong hai dòng điện trên chạy qua một điện trở $R=R_0$. Tính nhiệt lượng tỏa ra trên R trong khoảng thời gian t.

<u>Dạng 2:</u> Cho hình ảnh của sạc dự phòng

a) Nêu ý nghĩa số ghi trên sạc dự phòng.

b) Tính thời gian sử dụng của sạc dự phòng cho 1 thiết bị nào đó.

Câu 2(1 điểm): Điện trở. Định luật Ohm

<u>Dạng 1:</u> Cho đồ thị đường đặc trưng vôn-ampe của hai linh kiện là dây tóc bóng đèn và dây kim loại.

a) Đường nào là của dây tóc bóng đèn, đường nào là của dây kim loại? Giải thích.

b) Tính điện trở của dây tóc bóng đèn hoặc dây kim loại.

<u>Dạng 2:</u> Cho đồ thị đường đặc trưng vôn-ampe của hai dây kim loại.

a) Lập luận để xác định điện trở nào lớn hơn, điện trở nào nhỏ hơn.

b) Tính điện trở R_1 hoặc R_2.

Câu 3 (1 điểm): Định luật Ohm cho toàn mạch

Cho mạch điện gồm 1 nguồn điện, 3 điện trở mắc hỗn hợp.(có thể thêm vôn kế, ampe kế)

a) Tính cường độ dòng điện chạy trong mạch chính.

b) Tính nhiệt lượng tỏa ra ở mạch ngoài, tính U ngoài (hiệu điện thế giữa 2 cực nguồn), hiệu suất.

2. KHUNG BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: VẬT LÍ; LỚP: 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá.	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	**ĐIỆN TRƯỜNG**	**Lực tương tác tĩnh điện giữa hai điện tích. Điện trường**	**Nhận biết:** - Mô tả được sự hút (hoặc đẩy) của một điện tích vào một điện tích khác. - Biết được điểm đặt, phương và chiều của lực tương tác tĩnh điện. - Viết được biểu thức tính độ lớn của lực tương tác tĩnh điện. - Nêu được đơn vị của điện tích. - Nêu được khái niệm điện trường, điện trường đều. - Nêu được ý nghĩa của cường độ điện trường và định nghĩa được cường độ điện trường tại một điểm. - Viết được biểu thức liên hệ giữa F và E. **Thông hiểu:** - Sử dụng biểu thức: $F = k\frac{\lvert q_1 q_2 \rvert}{r^2}$ để tính và mô tả được lực tương tác giữa hai điện tích điểm đặt trong chân không (hoặc trong không khí). - Hiểu được mối liên hệ giữa lực tĩnh điện và khoảng cách. - Mô tả được tác dụng của điện trường đều lên chuyển động của điện tích bay vào điện trường đều theo phương vuông góc với đường sức. - Phân tích được các lực tác dụng lên hạt mang điện chuyển động trong điện trường đều. **Vận dụng:** - Tính được độ lớn lực điện, gia tốc của hạt chuyển động. - Tính được góc lệch của dây treo điện tích đặt trong điện trường đều.	**TN-C1**	**TN-C2**	

		Thế năng điện. Điện thế	**Nhận biết:** - Xác định được thế năng điện của quả cầu tích điện đều đặt trong điện trường đều của Trái Đất. - Nêu được ý nghĩa thế năng của điện tích trong điện trường. - Viết được biểu thức tính công của lực điện làm di chuyển điện tích trong điện trường. - Nêu được đặc điểm công của lực điện. - Nêu được điện thế tại một điểm trong điện trường đặc trưng cho điện trường tại điểm đó về thế năng, được xác định bằng công dịch chuyển một đơn vị điện tích dương từ vô cực về điểm đó. - Biết được thế năng của một điện tích q trong điện trường đặc trưng cho khả năng sinh công của điện trường khi đặt điện tích q tại điểm đang xét. - Biết được ý nghĩa của điện thế, hiệu điện thế. - Biết được chiều chuyển động của điện tích khi thả vào trong điện trường. **Thông hiểu:** - Xác định được công dịch chuyển một điện tích giữa hai điểm trong điện trường đều. - Sử dụng được biểu thức $A = qEd$ để tính các đại lượng trong biểu thức. - Tính được hiệu điện thế giữa hai điểm A,B. - Sử dụng được biểu thức liên hệ giữa E,U,d. **Vận dụng:** - Tính được công dịch chuyển một điện tích trên các cạnh của một tam giác (vuông hoặc đều) trong điện trường đều.	**TN-C3** **ĐS1a-1b**	**TN-C4** **ĐS1c**	**ĐS1d**

2	**DÒNG ĐIỆN MẠCH ĐIỆN**	**Cường độ dòng điện**	**Nhận biết:** - Nêu được khái niệm dòng điện, chiều qui ước của dòng điện. - Nêu được khái niệm cường độ dòng điện, biểu thức tính cường độ dòng điện, đơn vị của cường độ dòng điện. - Định nghĩa được đơn vị đo điện lượng coulomb là lượng điện tích chuyển qua tiết diện thẳng của dây dẫn trong 1s khi có cường độ dòng điện 1A chạy qua dây dẫn. - Biết được hạt tải điện trong kim loại, trong chất điện phân. **Thông hiểu:** - Phân biệt dòng điện một chiều với dòng điện không đổi. - Phân biệt mật độ hạt với mật độ hạt tải điện. - Từ khối lượng riêng tính được mật độ hạt, mật độ hạt tải điện. - Tính được cường độ dòng điện, điện lượng. **Vận dụng:** - Vận dụng được biểu thức $I = Snve$ cho dây dẫn có dòng điện, với n là mật độ hạt mang điện, S là tiết diện thẳng của dây, v là tốc độ dịch chuyển của hạt mang điện tích e.	**TN-C5** **TN-C6** **ĐS2a-2b**	**TL-1a** **ĐS2c**	**TN-C7** **TN-C8** **TL-1b** **ĐS2d**
		Điện trở. Định luật Ohm	**Nhận biết:** - Định nghĩa được điện trở, đơn vị đo điện trở và nêu được các nguyên nhân chính gây ra điện trở. - Phát biểu được định luật Ohm cho vật dẫn kim loại. - Biết được ảnh hưởng của nhiệt độ lên điện trở. - Biết được dạng của đường đặc trưng vôn-ampe. - Biết được bội số của ôm: 1kΩ=1000Ω, 1MΩ=1000kΩ. **Thông hiểu:** - Vẽ phác họa và thảo luận được về đường đặc trưng $I - U$ của vật dẫn kim loại ở nhiệt độ xác định.	**TN-C9** **TN-C10** **TL-2a**	**TN-C11** **TL-2b**	**TN-C12** **TN-C13**

			- Từ đồ thị đường đặc trưng vôn-ampe, lập luận để so sánh giá trị của các điện trở, tính điện trở bằng định luật Ohm. - Từ đồ thị đường đặc trưng vôn-ampe, biết được đường nào là của dây kim loại, đường nào của dây tóc bóng đèn. **Vận dụng:** - Mô tả được sơ lược ảnh hưởng của nhiệt độ lên điện trở của đèn sợi đốt, điện trở nhiệt (thermistor).			
		Nguồn điện	**Nhận biết:** - Định nghĩa được suất điện động qua năng lượng dịch chuyển một điện tích đơn vị theo vòng kín. - Kí hiệu của nguồn điện, các đặc trưng của nguồn điện, vai trò của nguồn điện, đơn vị của suất điện động. - Nêu được ý nghĩa số ghi trên nguồn điện, biết được công của nguồn điện là công của lực lạ. **Thông hiểu:** - Mô tả được ảnh hưởng của điện trở trong của nguồn điện lên hiệu điện thế giữa hai cực của nguồn. - So sánh được suất điện động và hiệu điện thế. - Tính được công của nguồn điện, tính điện lượng. **Vận dụng:** - Thảo luận để thiết kế phương án hoặc lựa chọn phương án và thực hiện phương án, đo được suất điện động và điện trở trong của pin hoặc ắcquy (battery hoặc accumulator) bằng dụng cụ thực hành. - Giải được bài toán 1 nguồn điện, mạch ngoài gồm 3 điện trở ghép hỗn hợp.	**TN-C14** **TN-C15** **ĐS3a-3b**	**TL-3a** **ĐS3c**	**TN-C16** **TL-3b** **ĐS3d**
Tổng số câu				**14TN** **0,5TL**	**6TN** **1,5TL**	**8TN** **1,0TL**
Tổng số điểm				**4,0**	**3,0**	**3,0**

KHUNG MA TRẬN NỘI DUNG (CHỦ ĐỀ) – THÀNH PHẦN NĂNG LỰC – CẤP ĐỘ TƯ DUY

CỦA ĐỀ CUỐI HỌC KỲ II LỚP 11 - NĂM HỌC 2025-2026

- **Phần dạng thức I (trắc nghiệm nhiều lựa chọn):** 16 câu (4,0 điểm)
- **Phần dạng thức II (trắc nghiệm Đ/S):** 3 câu (3,0 điểm)
- **Phần dạng thức III (Câu hỏi tự luận):** 3 câu (3,0 điểm)
- **Trong mỗi ô có 3 thông tin:**

  1. Hay 2. Hay 3. là phần mã hóa năng lực nhận thức.

Chủ đề	SỐ LỆNH HỎI																							
	Nhận thức hóa học											Tìm hiểu TGTN							Vận dụng kiến thức					Tổng
	Biết		Hiểu					Vận dụng				Biết	Hiểu		Vận dụng				Vận dụng					
	1.1	1.2	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.5	1.6	1.7	1.8	2.1	2.1	2.2	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5	
ALKANE	1																							1
HYDROCARBON KHÔNG NO	1	1																						2
ARENE	1																							1
DẪN XUẤT HALOGEN	1	1																						2

ALCOHOL	2	1	2				1																6
PHENOL	1	2																					3
CARBONYL	3	3																2					8
CARBOXYLIC ACID	2	2																					4
TỔNG HỢP HỮU CƠ							4									4							8

TPNL	**HH1. NHẬN THỨC HÓA HỌC**	**HH2. TÌM HIỂU TGTN**	**HH3. VẬN DỤNG KT-KN**
	29	4	2
	82,86%	11,43%	5,71%
Cấp độ	**BIẾT**	**HIỂU**	**VẬN DỤNG**
	23	7	4
	65%	20%	15%

MA TRẬN NỘI DUNG (CHỦ ĐỀ) – THÀNH PHẦN NĂNG LỰC – CẤP ĐỘ TƯ DUY

CỦA ĐỀ HK 2 LỚP 11 - NĂM HỌC 2025-2026

Tỉ lệ dạng thức 4:3:3

- **Phần dạng thức I (trắc nghiệm nhiều lựa chọn):** 16 câu (4 điểm) gồm 14 câu Biết (B), 2 câu hiểu (H)
- **Phần dạng thức II (trắc nghiệm Đ/S):** 3 câu (3 điểm) gồm 8 ý B và 2 ý VD
- **Phần dạng thức III (Câu hỏi trả lời ngắn):** 3 câu (3 điểm) gồm 1 câu H, 1 câu B và 1 câu VD
- **Trong mỗi ô có 3 thông tin:**

(1) I, II, III … là phần dạng thức trong đề thi (Ví dụ: I.1 là dạng thức I, câu số 1)

(2) HH…là (Mã hoá chỉ báo được đánh giá).

(3) Dấu * trước dạng thức là các câu hỏi có thể chọn 1 trong 2 ý hoặc câu.

CHỦ ĐỀ	Số lệnh hỏi	Yêu cầu cần đạt	THÀNH PHẦN NĂNG LỰC HOÁ HỌC								
			Nhận thức hoá học			Tìm hiểu TGTN dưới góc độ hoá học			Vận dụng KT, KN đã học		
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
ALKANE		- Nguồn gốc của alkane trong tự nhiên. - Trình bày được quy tắc gọi tên theo danh pháp thay thế, áp dụng gọi tên cho một số alkane (C_1 – C_{10}) mạch không phân nhánh và một số alkane mạch phân nhánh chứa không quá 5 nguyên tử carbon.	**I.1** **HH 1.1**								
HYDROCARBON KHÔNG NO		- Trình bày được các tính chất hóa học của alkene, alkyne (cộng H_2, HBr, Br_2, trùng hợp của alkene, phản ứng của alk-1-yne với dung	**I.2** **HH 1.2**								

		dịch $AgNO_3/NH_3$, phản ứng oxi hóa (mất màu thuốc tím $KMnO_4$, phản ứng cháy của alkene, alkyne) - Trình bày được ứng dụng của các alkene và acetylene trong thực tiễn; phương pháp điều chế alkene, acetylene trong phòng thí nghiệm (phản ứng dehydrate hóa alcohol điều chế alkene, từ calcium carbide điều chế acetylene) và trong công nghiệp (phản ứng cracking điều chế alkene, điều chế acetylene từ methane)	**I.3** **HH 1.2**								
ARENE (HYDROCARBON THƠM)		- Viết được công thức và gọi được tên của một số arene (benzene, toluene, xylene, styrene, naphthalene)	**I.4** **HH 1.1**								
DẪN XUẤT HALOGEN		- Trình bày được tính chất hóa học cơ bản của dẫn xuất halogen. - Trình bày được ứng dụng của các dẫn xuất halogen; tác hại của việc sử dụng các hợp chất chlorofluorocarbon (CFC) trong công nghệ làm lạnh. Đưa ra được cách ứng xử thích hợp đối với việc lạm dụng các dẫn xuất halogen trong đời sống và sản xuất halogen trong đời sống (thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, chất kích thích tăng trưởng thực vật	**I.5** **HH 1.2**	**I.6** **HH 1.2**							
ALCOHOL		- Nêu được khái niệm alcohol, công thức tổng quát của alcohol no, đơn chức, mạch hở.	***II.1a, 1d** **HH1.1**	***II.1b** **HH1.2**				***II.1c** **HH2.4**			

		- Viết được công thức cấu tạo, gọi được tên theo danh pháp thay thế của một số alcohol đơn giản ($C_1 \rightarrow C_5$), tên thông thường của một vài alcohol thường gặp. - Trình bày được đặc điểm về tính chất vật lý của alcohol (trạng thái, xu hướng biến đổi về nhiệt độ sôi, độ tan trong nước), giải thích được ảnh hưởng của liên kết hydrogen đến nhiệt độ sôi và khả năng hòa tan trong nước của alcohol. - Trình bày được tính chất hóa học của alcohol. - Thực hiện hoặc quan sát được thí nghiệm đốt cháy ethanol, glycerol tác dụng với copper(II) hydroxide; mô tả các hiện tượng thí nghiệm và giải thích được tính chất hóa học của alcohol. - Trình bày được phương pháp điều chế ethanol bằng phương pháp hydrate hóa ethylene, lên men tinh bột. - Trình bày được ứng dụng của alcohol, tác hại của việc lạm dụng rượu bia và đồ uống có cồn.	**I.7** **HH 1.1** **I.8** **HH 1.2**	***III.2d** **HH1.2** ***II.1a, 1b** **HH1.2** **III.1b** **HH1.2**	***II.1c, 1d** **HH1.6**						***III.3** **HH2.4**
PHENOL		- Nêu được khái niệm về phenol, tên gọi, công thức cấu tạo của một số phenol đơn giản, đặc điểm cấu tạo và hình dạng phân tử của phenol.	**I.9** **HH 1.1**	***III.2c**							

		- Nêu được tính chất vật lý (trạng thái, nhiệt độ nóng chảy, độ tan trong nước) của phenol. - Trình bày được tính chất hóa học cơ bản của phenol; phản ứng thế H ở nhóm -OH (tính acid: thông qua phản ứng với sodium hydroxide, sodium carbonate), phản ứng thế ở vòng thơm (tác dụng với nước bromine, với HNO_3 trong dung dịch H_2SO_4 đặc). - Thực hiện được (hoặc quan sát video, hoặc qua mô tả) thí nghiệm của phenol với sodium hydroxide, sodium carbonate, với nước bromine, với HNO_3 trong dung dịch H_2SO_4 đặc; mô tả được hiện tượng các thí nghiệm, giải thích được tính chất hóa học của phenol. - Trình bày được ứng dụng của phenol và phương pháp điều chế phenol (từ cumene và từ nhựa than đá).	**I.10** **HH 1.2**	**HH1.2**							
HỢP CHẤT CARBONYL		- Nêu được khái niệm hợp chất carbonyl (aldehyde và ketone). - Gọi được tên theo danh pháp thay thế của một số hợp chất carbonyl đơn giản ($C_1 – C_5$); tên thông thường của một vài hợp chất carbonyl thường gặp.	**I. 11** **HH 1.1** **II. 2a, 2d** **HH1.1** **I.12** **HH 1.2**								

		- Mô tả được đặc điểm liên kết của nhóm chức carbonyl, hình dạng phân tử của methanal, ethanal. - Nêu được các đặc điểm về tính chất vật lí (trạng thái, nhiệt độ sôi, tính tan) của hợp chất carbonyl. - Trình bày được tính chất hóa học của aldehyde và ketone: phản ứng khử (với $NaBH_4$ hoặc $LiAlH_4$); phản ứng oxi hóa aldehyde (với nước bromine, thuốc thử Tollens, $Cu(OH)_2/OH^-$); phản ứng cộng vào nhóm carbonyl (với HCN), phản ứng tạo iodoform. - Thực hiện được (hoặc quan sát qua video, hoặc qua mô tả) các thí nghiệm: phản ứng tráng bạc, phản ứng với $Cu(OH)_2/OH^-$, phản ứng tạo iodoform từ acetone; mô tả hiện tượng thí nghiệm, giải thích được tính chất hóa học của hợp chất carbonyl và xác định được hợp chất có nhóm CH_3CO-. - Trình bày được ứng dụng của hợp chất carbonyl và phương pháp điều chế acetaldehyde bằng cách oxi hóa ethylene, điều chế acetone từ cumene.		**II. 2b, 2c** **HH1.2** ***III.2a ,b** **HH1.2** **III.1a** **HH1.2**							***III.1** **HH3.1**
CARBOXYLIC ACID		- Nêu được khái niệm về carboxylic acid. - Viết được công thức cấu tạo và gọi được tên của một số acid theo danh pháp thay thế (C_1 – C_5) và một vài	**I.13** **HH 1.1** **I.14** **HH 1.2**								

		acid thường gặp theo tên thông thường. - Nêu và giải thích được các đặc điểm về tính chất vật lí (trạng thái, nhiệt độ sôi, tính tan) của carboxylic acid. - Trình bày được tính chất hóa học cơ bản của của carboxylic acid. - Trình bày được ứng dụng của một số carboxylic acid thông dụng và phương pháp điều chế carboxylic acid (điều chế acetic acid bằng phương pháp lên men giấm và phản ứng oxi hóa alkane).	**I.15** **HH 1.1** **I.16** **HH 1.2**								
TỔNG HỢP HỮU CƠ		- Khái niệm, danh pháp, tính chất vật lý, tính chất hóa học của alcohol, phenol, hợp chất carbonyl, carboxylic acid			**II.3a, 3b,3c, 3d** **HH 1.6**			**III.2a, b,c,d** **HH2.4**			

TRƯỜNG NGÔ THỜI NHIỆM

Năm học: 2025 - 2026

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

KIỂM TRA HỌC KÌ 2 - MÔN SINH HỌC - LỚP 11

1. Thời gian làm bài: 45 phút

2. Hình thức kiểm tra: *Trắc nghiệm và tự luận.*

3. Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 40% Thông hiểu; 20% Vận dụng.
- Tổng điểm: 10 điểm, gồm 22 câu. Trong đó:

+ Phần I: (Dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn = TNNLC) gồm 16 câu TNNLC = 4,0 điểm

+ Phần II: (Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai = TNĐS) gồm 3 câu = 3,0 điểm.

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;

- Học sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.

+ Phần III: (Dạng tự luận = TL) gồm 3 câu = 3,0 điểm.

4. Bảng ma trận sau:

TT	Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức – Dạng câu hỏi								
			Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (TNNLC)			Trắc nghiệm Đúng/Sai (TNĐS)			Tự luận (TL)		
			Biết *(NT1)*	**Hiểu** *(NT2→5 /TH1→2 /VD1)*	**VD** *(NT6→8 /TH3→5 /VD2)*	**Biết** *(NT1)*	**Hiểu** *(NT2→5 /TH1→2 /VD1)*	**VD** *(NT6→8 /TH3→5 /VD2)*	**Biết** *(NT1)*	**Hiểu** *(NT2→5 /TH1→2 /VD1)*	**VD** *(NT6→8 /TH3→5 /VD2)*
1	**Sinh trưởng, phát triển ở thực vật**	- Mô phân sinh. - Hormone thực vật và tương quan các hormone.	2NT1								
		- Các nhân tố chi phối sự ra hoa ở TV.	2NT1								
2	**Khái quát sinh sản ở sinh vật**	- Khái niệm sinh sản - Các phương pháp sinh sản vô tính.	2NT1								
3	**Sinh sản ở thực vật**	- Cấu tạo hoa. - Các hình thức sinh sản vô tính ở thực vật và ứng dụng. - Các hình thức sinh sản hữu tính ở thực vật và ứng dụng.	2NT1	1NT1→5 1TH1→2		2NT1	2NT2→5			1NT2→5 1VD1	
4	**Sinh sản ở động vật**	- Khái niệm sinh sản ở động vật. - Các hình thức sinh sản vô tính ở động vật, ứng dụng SSVT trong đời sống. - Các hình thức sinh sản hữu tính ở động vật, ứng dụng SSHT trong sinh sản ở người. - Các hormone điều hòa quá trình sinh sản ở động vật và người.	4NT1		1TH3→5 1VD2	2NT1	2NT2→5 2TH1→2 2VD1	1TH3→5 1VD2			1VD2
Tổng số câu			12	2	2	1	1	1	0	2	1
Tổng số điểm			(I): 3,0 đ	(II): 0,5 đ	(III): 0,5 đ	(IV): 1,0 đ	(V): 1,5 đ	(VI): 0,5 đ	(VII): 0,0 đ	(VIII): 2,0 đ	(IX): 1,0 đ

Tổng số câu/điểm từng định dạng	**16 câu / 4.0 điểm**	**3 câu/ 3.0 điểm**	**4 câu/ 3.0 điểm**
Tổng từng mức độ nhận thức:	**Nhận biết: I(12)+IV(1)+VII(0) = 4,0 đ**	**Thông hiểu: II(2)+V(1)+VIII(2) = 4,0 đ**	**Vận dụng: III(2)+VI(1)+IX(2) = 2,0 đ**

TRƯỜNG NGÔ THỜI NHIỆM

Năm học: 2025 - 2026

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2

MÔN: SINH HỌC 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

Chủ đề	Đơn vị KT	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Dạng thức		
			NLC	Đ/S	Tự luận
Sinh trưởng, phát triển ở thực vật	**Sinh trưởng, phát triển ở thực vật**	- Phân biệt được các loại mô phân sinh. - Trình bày được các hormone thực vật và tương quan các hormone. - Nêu được các nhân tố chi phối sự ra hoa ở TV.	**4NT1**		
Khái quát sinh sản ở sinh vật	**Khái quát sinh sản ở sinh vật**	- Trình bày được khái niệm sinh sản - Nhận biết các phương pháp sinh sản vô tính ở sinh vật.	**2NT1**		
Sinh sản ở thực vật	**Sinh sản ở thực vật**	- Trình bày được cấu tạo của hoa. - Trình bày và phân biệt được hình thức sinh sản vô tính ở thực vật (rêu, dương xỉ,…) - Ứng dụng các hình thức sinh sản vô tính ở thực vật trong thực tiễn. - Trình bày được các hình thức sinh sản hữu tính ở thực vật (quá trình hình thành hạt phấn, túi phôi, thụ phấn, thụ tinh, tạo hạt và quả). - Vận dụng kiến thức SSTV để trả lời các câu hỏi nâng cao.	**2NT1** **1NT1→5** **1TH1→2**	**2NT1** **2NT2→5**	**1NT2→5** **1VD1**
Sinh sản ở động vật	**Sinh sản ở động vật**	- Trình bày được khái niệm sinh sản ở động vật. - Nêu và trình bày được hình thức sinh sản vô tính ở động vật. - Vận dụng kiến thức SSVT trong đời sống. - Trình bày được các hình thức sinh sản hữu tính ở động vật và ứng dụng SSHT trong sinh sản ở người. - Trình bày được các hormone điều hòa quá trình sinh sản ở động vật và người và vận dụng để giải thích một số vấn đề sức khỏe sinh sản ở người.	**4NT1** **1TH3→5** **1VD2**	**2NT1** **2NT2→5** **2TH1→2** **2VD1** **1TH3→5** **1VD2**	**1VD2**
		Tổng câu	**16**	**3**	**3**

BẢNG NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Môn: Công nghệ - **Lớp 11** – Kì kiểm tra học kì II

Năm học: 2025-2026

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng số câu		Điểm số
			Trắc nghiệm nhiều lựa chọn			Trắc nghiệm Đúng sai			Tự luận			TL	TN	Tổng
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	**Chủ đề 1: SẢN XUẤT CƠ KHÍ**	1.1 An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sản xuất cơ khí.	1	1									**2**	**0,5**
2	**Chủ đề 2: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC**	2.1 Khái quát về cơ khí động lực.	1	1									**2**	**0,5**
		2.2 Nghành nghề trong lĩnh vực cơ khí động lực.	1	1									**2**	**0,5**
3	**Chủ đề 3: ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG**	3.1 Đại cương về động cơ đột trong.	1	1		2	1	1	1			**1**	**6**	**2,5**
		3.2 Nguyên lí làm việc của động cơ đốt trong.	1	1		2	1	1	1			**1**	**6**	**2,5**
		3.3 Các cơ cấu trong động cơ đốt trong.		1	1								**2**	**0,5**
4	**Chủ đề 4: Ô –TÔ**	4.1 Khái Quát Chung Về Ô Tô	1			1	1	1					**4**	**1,0**
		4.2 Hệ Thống Truyền Lực	2		1	1				1		**1**	**4**	**2,0**

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng số câu		Điểm số
			Trắc nghiệm nhiều lựa chọn			Trắc nghiệm Đúng sai			Tự luận			TL	TN	Tổng
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
3	**Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)**		**8**	**6**	**2**	**6**	**3**	**3**	**1**	**1**	**1**	**3**	**28**	
4	**Điểm số**		**2**	**1,5**	**0,5**	**1,5**	**0,75**	**0,75**	**1,0**	**1,0**	**1,0**	**3,0**	**7,0**	**10,0**
5	**Tổng số điểm**		**4,0 điểm**			**3,0 điểm**			**3,0 điểm**			**10 điểm**		**10 điểm**

Ghi chú: + Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại TN nhiều lựa chọn và phần tự luận là một lệnh hỏi; mỗi ý hỏi tại TN đúng sai là một lệnh hỏi.

+ ***(*) ở phần ĐÚNG/SAI là câu có 1 ý d) trong 4 ý là vận dụng cao.***

+ ***Phần 1:*** 16 câu TN lý thuyết – 4,0 điểm

+ ***Phần 2:*** 3 câu TN Đ/S– 12– 3,0 điểm

+ ***Phần 3:*** 3 câu Tự Luận – 3,0 điểm

KHUNG BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1
MÔN: CÔNG NGHỆ; LỚP: 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số lượng chỉ báo		
				Trắc nghiệm		Tự luận
				NLC	Đ/S	
1	**Chủ đề 1: SẢN XUẤT CƠ KHÍ**	1.1 An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sản xuất cơ khí.	**Nhận biết:** Trình bày được khái niệm của an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sản xuất cơ khí. **Thông hiểu:** Nhận thức được tầm quan trọng của việc an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sản xuất cơ khí.	**2**	**0**	**0**
2	**Chủ đề 2: GIỚI THIỆU**	2.1 Khái quát về cơ khí động lực.	**Nhận biết:** Trình bày được cấu tạo, vai trò và đặc điểm của cơ khí động lực. **Thông hiểu:** Kể tên được một số máy mócthường gặp thuộc lĩnh vực cơ khí động lực.	**2**	**0**	**0**
		2.2 Nghành nghề	**Nhận biết:** Nhận biết được một số ngành nghề phổ biến thuộc lĩnh vực cơ khí động	**2**	**0**	**0**

	CHUNG VỀ CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC	trong lĩnh vực cơ khí động lực.	lực. **Thông hiểu:** Cho biết được yêu cầu nghành đào tạo phù hợp cho những người thực hiện nhóm công việc sản xuất lắp ráp sản phẩm cơ khí động lực. **Vận dụng:** Mô tả được nghành nghề trong lĩnh vực cơ khí động lực mà em yêu thích nhất.			
3	**Chủ đề 3:** **ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG**	3.1 Đại cương về động cơ đột trong.	**Nhận biết:** Trình bày được khái niệm và phân loại động cơ đốt trong. **Thông hiểu:** Trình bày được bản chất của quá trình đốt cháy nhiên liệu trong động cơ đốt trong. **Vận dụng:** Kể tên các động cơ đốt trong và nhiên liệu được sử dụng.	**2**	**4**	**1**
		3.2 Nguyên lí làm việc của động cơ đốt trong.	**Nhận biết:** - Trình bày được khái niệm cơ bản của động cơ đốt trong. **Thông hiểu:** - Giải thích được nguyên lí làm việc của động cơ đốt trong. - Giải thích được nghĩa các thông số cơ bản trong động cơ đốt trong. **Vận dụng:** Tìm hiểu và cho biết các phương tiện, máy móc sử dụng trong cuộc sống thuộc loại động cơ 2 kì hay 4 kì.	**2**	**4**	**1**
		3.3 Các cơ cấu trong động cơ đốt trong.	**Nhận biết:** -Mô tả được cấu tạo và nguyên lí làm việc của các cơ cấu trong động cơ đốt trong. **Thông hiểu:** - Giải thích được tại sao nặp máy được nói là chi tiết có kết cấu phức tạp. **Vận dụng:** Động cơ xe máy có sử dụng cơ cấu phân phối khí hay không.	**2**	**0**	**0**
4	**Chủ đề 4: Ô –TÔ**	4.1 Khái Quát Chung Về Ô Tô	**Nhận biết: -** Mô tả được cấu tạo chung của ô-tô **Thông hiểu: -** Trình bày được vai trò của ô tô trong đời sống, sản suất **Vận dụng: -** Phân biệt được một số loại ô-tô	**1**	**3**	**0**
		4.2 Hệ Thống Truyền Lực	**Nhận biết: -** Trình bày được cấu tạo và hoạt động của hệ thống truyền lực **Thông hiểu: -** Phân biệt được các bộ phân trong hệ thống truyền lực **Vận dụng: -** Nêu được tác dụng của một số đặc trưng trong hệ thống	**3**	**1**	**1**
Tổng số câu				**16**	**12**	**3**

(*) *là vận dụng cao ý d) trong câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI*

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Môn: CÔNG NGHỆ 11 - CHĂN NUÔI – Kiểm tra học kì II

Năm học: 2025-2026

1. MA TRẬN

TT	Chương/ Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TN nhiều lựa chọn			TN dạng Đúng/sai			Tự luận						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Công nghệ chăn nuôi	1.1. Chuồng nuôi và biện pháp vệ sinh trong chăn nuôi	1	1	1				1TL			1 1TL	1	1	17,5
		1.2. Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi	1	2	1	2	1	1		1TL		3	3 1TL	2	30
		1.3. Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP	2	1								2	1		7,5
		1.4. Chăn nuôi công nghệ cao	1	1	1	2	1	1				3	1	2	17,5
		1.5. Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	1	1	1	2		2			1TL	3	1	1 1TL	27,5
Tổng số câu			6TN	6TN	4TN	6TN	2TN	4TN	1TL	1TL	1TL	14TN 1TL	10TN 1TL	4TN 1TL	28TN 3TL
Tổng số điểm			1,5	1,5	1,0	1,5	0,5	1,0	1,0	1,0	1,0	4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ %			40%			30%			30%			40	30	30	100

2. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Chương/chủ đề	Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (Đã được tách ra các chỉ báo và mức độ)	Số lượng chỉ báo		
				Trắc nghiệm		Tự luận
				NLC	Đ/S	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1 2 3	**Công nghệ chăn nuôi**	**1.1. Chuồng nuôi và biện pháp vệ sinh trong chăn nuôi**	**Nhận biết:** - Nêu được ưu điểm của kiểu chuồng kín. - Nhận biết được cách thiết kế một số kiểu chuồng nuôi - Yêu cầu về mặt bằng xây dựng trong xây dựng chuồng nuôi.	**1**		**1TL**
			Thông hiểu: Phân biệt được đặc điểm của các kiểu chuồng nuôi phổ biến	**1**		
			Vận dụng: Áp dụng mô hình chăn nuôi gà đẻ công nghệ cao.	**1**		
		1.2. Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi	**Nhận biết:** - Biết được hàm lượng Ca trong khẩu phần ăn của các giai đoạn ở vật nuôi (bò, lợn, gà…) - Nêu được một số yêu cầu cơ bản về chăm sóc đối với các loại vật nuôi phổ biến. - Kể tên được các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc một số loại vật nuôi phổ biến (gà, lợn, bò,…).	**1**	**2**	
			Thông hiểu: - Biết được độ ẩm của chuồng nuôi như thế nào là hợp lí. - Phân tích được một số yêu cầu cơ bản về thức ăn đối với các loại vật nuôi phổ biến.	**2**	**1**	**1TL**
			Vận dụng: - Giải thích được ý nghĩa của việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi. - Phân tích được một số yêu cầu cơ bản về chăm sóc đối với các loại vật nuôi phổ biến. - Xác định đúng các công việc cần làm trong quá trình úm gà trong quy trình nuôi gà thịt công nghiệp.	**1**	**1**	
			Nhận biết:	**2**		

		1.3. Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP	**-** Kể tên được các bước trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. - Nêu được khái niệm chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. - Nêu được nội dung các bước trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP.			
			Thông hiểu: **-** Tóm tắt được quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. - Giải thích được ý nghĩa các bước trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. - Phân tích được nội dung các bước trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP.	**1**		
			Vận dụng: **-** Xác định được tác dụng của việc lựa chọn địa điểm chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. - Yêu cầu khi xây dựng chuồng nuôi.			
		1.4 Chăn nuôi công nghệ cao	**Nhận biết:** **-** Nêu được khái niệm chăn nuôi công nghệ cao. - Nêu được ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi. - Kể tên được một số công nghệ cao được áp dụng phổ biến trong chăn nuôi.	**1**	**2**	
			Thông hiểu: **-** Nêu được các ứng dụng và thành tựu của việc áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi. - Nguyên lý hoạt động của một công nghệ cao được áp dụng phổ biến trong chăn nuôi lợn.	**1**	**1**	
			Vận dụng: - Đề xuất được một ứng dụng công nghệ cao phù hợp với thực tiễn chăn nuôi ở địa phương nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi và bảo vệ môi trường.	**1**	**1**	

			- Ứng dụng công nghệ cao trong xây dựng kiểu chuồng kín có hệ thống kiểm soát khí hậu và chế tạo các trang thiết bị chăn nuôi.			
		1.5. Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	**Nhận biết:** - Nêu được ý nghĩa của việc bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi. - Kể tên được một số phương pháp bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi.- Nêu được các bước bảo quản trong công nghệ bảo quản lạnh, công nghệ xử lí nhiệt độ cao. - Biết được thời gian bảo quản của các sản phẩm chăn nuôi (thịt, trứng, sữa…)	**1**	**1**	
			Thông hiểu: - Tóm tắt được một số phương pháp phổ biến trong chế biến sản phẩm chăn nuôi. - Tóm tắt được một số phương pháp phổ biến trong bảo quản sản phẩm chăn nuôi.	**1**	**1**	
			Vận dụng: - Phân tích được ý nghĩa của công nghệ cao trong chế biến sản phẩm chăn nuôi. - Lựa chọn được phương pháp chế biến phù hợp cho một số loại sản phẩm chăn nuôi phổ biến.	**1**	**1**	**1TL**
Tổng số câu				**16**	**12**	**3 TL**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH, THCS, THPT
NGÔ THỜI NHIỆM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ – HỌC KỲ II

MÔN TIN HỌC 11. THỜI GIAN: 45 PHÚT

I. KHUNG MA TRẬN

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ-NLC			TNKQ-ĐS			Tự luận						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề 6: Thực hành tạo và khai thác cơ sở dữ liệu (CSDL)	**Bài 20. Thực hành tạo lập các bảng có khóa ngoài.**	2 (1,2)	3 (3,4,5)	2 (6,7)	2 (1a,1b)	1 (1c)	1 (1d)				4	4	3	27,5% 2,75
		Bài 21. Thực hành cập nhật và truy xuất dữ liệu các bảng.	3 (8,9,10)	2 (11,12)	2 (13,14)							3	2	2	17,5% 1,75
		Bài 22. Thực hành cập nhật bảng dữ liệu có tham chiếu.	3 (15,16,17)	2 (18,19)	2 (20,21)	2 (2a,2b)	1 (2c)	1 (2d)				5	3	3	27,5% 2,75

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ-NLC			TNKQ-ĐS			Tự luận						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
		Bài 23. Thực hành truy xuất dữ liệu qua liên kết các bảng.	2 (22,23)	2 (24,25)	3 (26,27,28)	2 (3a,3b)	1 (3c)	1 (3d)				4	3	4	27,5% 2,75
		Tổng số câu và ý	***10 câu***	***9 câu***	***9 câu***	***6 ý***	***3 ý***	***3 ý***				*16*	*12*	*12*	
		Tổng số điểm	**2,5**	**2,25**	**2,25**	**1,5**	**0,75**	**0,75**				4	3	3	
		Tỉ lệ %	**70%**			**30%**						*40%*	*30%*	*30%*	

II. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				MC (4-1)	YN (4-4)	Short Answer	
1	**Chủ đề 6: Thực hành tạo và khai thác cơ sở dữ liệu**	**Bài 20. Tạo lập các bảng có khóa ngoài**	**Nhận biết** - Nhận biết được giao diện thẻ **Foreign keys** trong phần mềm HeidiSQL.	2 MC (B) **(NLc)** 3 MC (H) **(NLc)**	1 YN (B,B,H,V) **(NLc)**		

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				MC (4-1)	YN (4-4)	Short Answer	
			- Nêu được các thành phần cần thiết khi khai báo khóa ngoài: tên khóa, trường tham chiếu (Columns), bảng tham chiếu (Reference table) và trường đích. - Biết cách thiết lập khóa cấm trùng lặp (UNIQUE) cho cặp trường dữ liệu. **Thông hiểu** - Giải thích được ý nghĩa của việc chọn trường tham chiếu và trường đích phải cùng kiểu dữ liệu (ví dụ cùng là INT, CHAR...). - Hiểu được vai trò của khóa ngoài trong việc liên kết dữ liệu giữa các bảng. - Lý giải được tại sao cần đặt khóa cấm trùng lặp cho các trường không được phép lặp lại giá trị. **Vận dụng** - Thực hiện thành thạo thao tác tạo bảng có khóa ngoài trên phần mềm. - Thiết lập chính xác mối quan hệ tham chiếu giữa các bảng theo đúng thiết kế. - Tự thực hành tạo lập được các bảng có cấu trúc tương tự hoặc phức tạp hơn.	2 MC (V) **(NLc)**			
		Bài 21. Thực hành cập nhật	**Nhận biết**	3 MC (B) **(Nla, NLc)**			

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				MC (4-1)	YN (4-4)	Short Answer	
		và truy xuất dữ liệu các bảng	- Nhận diện được các thẻ chức năng trên HeidiSQL: thẻ Dữ liệu (để cập nhật) và thẻ Truy vấn (để viết lệnh SQL). - Nêu được các thao tác cơ bản: thêm mới, chỉnh sửa (Sửa trực tiếp ô dữ liệu), xóa dòng. - Biết cấu trúc cơ bản của câu lệnh truy vấn SQL: SELECT, FROM, WHERE, ORDER BY, AND, OR... **Thông hiểu** - Giải thích được cơ chế tự động của trường khóa chính có thuộc tính AUTO_INCREMENT, từ đó hiểu vì sao không cần nhập dữ liệu thủ công. - Hiểu ý nghĩa của các toán tử trong truy vấn như LIKE kèm ký tự đại diện % (để tìm kiếm xâu). - Phân biệt được sự khác nhau giữa việc truy xuất dữ liệu bằng giao diện đồ họa (Quick Filter) và bằng câu lệnh SQL. **Vận dụng** - Thực hiện thành thạo việc nhập liệu, sửa lỗi và xóa dữ liệu cho các bảng trong CSDL. - Viết và thực thi chính xác câu lệnh SQL để lọc dữ liệu theo điều kiện và sắp xếp kết quả theo yêu cầu. - Áp dụng kỹ năng để cập nhật và truy xuất dữ liệu cho các bài toán thực tế (quản lý sinh viên, sách, nhân viên,...).	2 MC (H) **(Nla, NLc)** 2 MC (V) **(NLc)**			

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				MC (4-1)	YN (4-4)	Short Answer	
		Bài 22. Thực hành cập nhật bảng dữ liệu có tham chiếu.	**Nhận biết** - Xác định được bảng nào là bảng tham chiếu và bảng nào là bảng có khóa ngoài. - Nắm vững quy trình các bước để cập nhật dữ liệu (Thêm, Sửa, Xóa) trong phần mềm quản trị CSDL (như HeidiSQL). - Nhận biết các thông báo lỗi cơ bản khi vi phạm ràng buộc dữ liệu. **Thông hiểu** - Giải thích được ý nghĩa của tính nhất quán dữ liệu: Tại sao không thể nhập một giá trị vào khóa ngoài nếu giá trị đó chưa tồn tại ở bảng tham chiếu. - Hiểu rõ tại sao hệ thống ngăn chặn việc xóa một bản ghi ở bảng mẹ khi đang có các bản ghi liên quan ở bảng con (vi phạm ràng buộc tham chiếu). - Phân biệt được sự khác biệt giữa cập nhật dữ liệu ở bảng độc lập và bảng có quan hệ. **Vận dụng** - Thực hiện thành thạo việc nhập dữ liệu cho các bảng theo đúng thứ tự (nhập bảng tham chiếu trước, bảng có khóa ngoài sau).	3 MC (B) **(Nla, NLc)** 2 MC (H) **(NLc)** 2 MC (V) **(NLc)**	1 YN (B,B,H,V) **(NLc)**		

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				MC (4-1)	YN (4-4)	Short Answer	
			- Chỉnh sửa và cập nhật dữ liệu chính xác trên các bảng đã thiết lập khóa ngoài mà không làm mất tính toàn vẹn của CSDL. - Xử lý lỗi: Khi gặp lỗi vi phạm khóa ngoài, biết cách tra cứu dữ liệu ở bảng gốc để điều chỉnh giá trị nhập vào cho đúng.				
		Bài 23. Thực hành truy xuất dữ liệu qua liên kết các bảng.	**Nhận biết** - Nhận biết được mục đích của việc liên kết bảng: Để lấy thông tin đầy đủ mà một bảng đơn lẻ không cung cấp hết. - Xác định được từ khóa quan trọng trong SQL dùng để liên kết: như SELECT, FROM, WHERE, INNER JOIN (hoặc các phép toán so sánh trên khóa). - Chỉ ra được các trường dữ liệu chung (khóa ngoại và khóa chính) dùng làm "cầu nối" giữa hai hay nhiều bảng. **Thông hiểu** - Giải thích được tại sao cần điều kiện liên kết (ví dụ: Table1.Key = Table2.ForeignKey). Nếu thiếu điều kiện này thì dữ liệu sẽ sai lệch. - Phân biệt được kết quả khi truy vấn trên một bảng so với truy vấn có liên kết nhiều bảng. - Hiểu cách thức hệ thống lọc dữ liệu dựa trên các tiêu chí kết hợp (ví dụ: Tìm học sinh thuộc lớp '11A' và có điểm môn 'Tin học' > 8).	2 MC (B) **(Nla, NLc)** 2 MC (H) **(Nla, NLc)** 3 MC (V) **(NLc)**	1 YN (B,B,H,V) **(Nla, NLc)**		

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				MC (4-1)	YN (4-4)	Short Answer	
			Vận dụng - Viết được câu lệnh SQL (hoặc sử dụng công cụ thiết kế truy vấn) để kết xuất dữ liệu từ ít nhất hai bảng có quan hệ với nhau. - Giải quyết bài toán thực tế: Ví dụ, từ bảng Bannhac và bảng Nhacsi, truy xuất ra danh sách gồm: TenNS, TenBN. - Tùy biến kết quả: Sử dụng các mệnh đề bổ trợ như ORDER BY để sắp xếp dữ liệu hoặc WHERE để lọc dữ liệu theo yêu cầu cụ thể của bài thực hành.				
Tổng				***10 lệnh B*** ***9 lệnh H*** ***9 lệnh V***	***6 lệnh B*** ***3 lệnh H*** ***3 lệnh V***		
Tỉ lệ %				***16 B = 40%, 12 H = 30%, 12 VD = 30%***			
Tỉ lệ chung				***B + H = 70%***		***VD = 30%***	

Lưu ý:

– Các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao có thể ra vào một trong các đơn vị kiến thức.

– Với các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận (lý thuyết/thực hành).

TRƯỜNG TH – THCS – THPT
NGÔ THỜI NHIỆM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KIỂM TRA HK 2
NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN: LỊCH SỬ - LỚP 11

I. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA: trắc nghiệm & tự luận

II. BẢNG ĐẶC TẢ, MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều LC			TNKQ đúng - sai			Tự luận						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	**Một số cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam(trước 1858)**	Cải cách của Hồ Qúy Ly	1		1		1					1	1ĐS	1	15%
		Cải cách của Lê Thánh Tông	4	2	2	1						4	2	2 1ĐS	30%
		Cải cách của Minh Mạng	1		1	1		1		1	1	1 1ĐS	1TL	1	30%
2	**Chủ quyền biển đảo Việ Nam**	Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông	2	2							1	2	2	1TL	25%

Tổng số câu												8TN 1Đ-S	4TN 1Đ-S 1TL	4TN 1Đ-S 1TL	
Tổng số điểm												3	3.5	3.5	10
Tỉ lệ %			**40**			**30**			**30**			**30**	**35**	**35**	100

2. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	**Chương/ chủ đề**	**Nội dung/đơn vị kiến thức**	**Yêu cầu cần đạt** (Đã được tách ra theo các mức độ)	**Số lượng câu hỏi ở các mức độ**			
				Trắc nghiệm			**Tự luận**
				Nhiều lựa chọn	**Đúng-Sai**	**Trả lời ngắn**	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	**Một số cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam(trước 1858)**	1. Cải cách của Hồ Qúy Ly 2. Cải cách của Lê Thánh Tông 3. Cải cách của Minh Mạng	**- Nhận biết** + Giải thích được khái niệm cải cách. + Phân tích được những biểu hiện của các cuộc cải cách. **(NLTH)**	6	1		
			- Thông Hiểu + Tóm tắt được bối cảnh lịch sử, nội dung cuộc cải cách của nhà Hồ. + Phân tích được bối cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của cuộc cải cách thời Lê Thánh Tông. + Phân tích được bối cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của cuộc cải cách thời Minh Mạng. +Tóm tắt được bối cảnh lịch sử, nội dung và đánh giá ý nghĩa cuộc cải cách của nhà Hồ. + Trình bày những điểm chính trong cải cách	2	1		1

			về quân đội dưới thời Minh Mạng và giải thích mục đích của những cải cách đó. + Em hãy giải thích vì sao cải cách của Minh Mạng được xem là toàn diện trên nhiều lĩnh vực. + So với trước đó, cải cách hành chính của Minh Mạng có điểm gì tiến bộ hơn? + Theo em, cải cách của Minh Mạng có hạn chế gì? Vì sao lại có những hạn chế đó? + Hãy giải thích vì sao các cải cách của Minh Mạng vừa góp phần phát triển đất nước nhưng cũng làm tăng tính bảo thủ của chế độ.				
			- Vận dụng + Đánh giá ý nghĩa cuộc cải cách của nhà Hồ. + Nêu được nhận xét về nguyên nhân thất bại của triều Hồ trong sự nghiệp cải cách và kháng chiến bảo vệ Tổ quốc. + Đánh giá kết quả và nêu được bài học kinh nghiệm của cuộc cải cách Minh Mạng. + Có ý thức trân trọng giá trị của các cuộc cải cách trong lịch sử dân tộc. + Từ cải cách hành chính của Minh Mạng, em hãy liên hệ với việc tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay có điểm gì kế thừa? + So sánh cải cách của Minh Mạng với một cuộc cải cách mà em biết trong lịch sử Việt Nam (ví dụ thời Lê Thánh Tông). Từ đó rút ra điểm giống và khác. + Theo em, trong bối cảnh hiện nay, bài học nào từ cải cách của Minh Mạng vẫn còn giá trị? Hãy giải thích. + Nếu cải cách của Minh Mạng được mở rộng theo hướng "mở cửa" với phương Tây, theo em lịch sử Việt Nam có thể thay đổi như thế nào? + Em hãy đánh giá: Cải cách của Minh Mạng	4	1		1

			mang tính tiến bộ hay bảo thủ nhiều hơn? Lập luận để bảo vệ quan điểm của mình. + Hãy vận dụng hiểu biết của em để giải thích: Vì sao một số cải cách của Minh Mạng có thể phù hợp thời đó nhưng không còn phù hợp với xã hội hiện đại? + Từ cải cách của Minh Mạng, em rút ra bài học gì về vai trò của người lãnh đạo trong việc đổi mới đất nước? **(NLVD)**				
2	**Chủ quyền biển đảo Việ Nam**	Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông	**- Nhận biết** + Nêu được những đặc điểm của Biển Đông. **(NLTH)**	2			
			-Thông Hiểu + Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển,... + Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển	2			
			- Vận Dụng + Xác định được vị trí của các đảo và quần đảo ở Biển Đông trên bản đồ + Từ vị trí địa lí của Biển Đông, em hãy phân tích vì sao khu vực này luôn có ý nghĩa chiến lược đối với Việt Nam. + Từ vai trò của Biển Đông, hãy liên hệ với việc bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam hiện nay. + Nếu Việt Nam không chú trọng phát triển kinh tế biển, theo em sẽ có những hệ quả gì? + Em hãy vận dụng hiểu biết để giải thích vì sao Biển Đông thường xuyên trở thành khu vực có tranh chấp quốc tế. + Từ tầm quan trọng của Biển Đông, em hãy đề				1

			xuất một số giải pháp nhằm khai thác hiệu quả và bền vững tài nguyên biển. + Theo em, học sinh ngày nay có thể làm gì để góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của đất nước? + Hãy liên hệ vai trò của Biển Đông đối với giao lưu kinh tế – văn hóa giữa Việt Nam và thế giới. + Nếu xảy ra xung đột trên Biển Đông, theo em sẽ ảnh hưởng như thế nào đến khu vực và thế giới? + Em hãy đánh giá: Tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam hiện nay lớn hơn về kinh tế hay quốc phòng? Vì sao? **(NLVD)**				

Trường TiH, THCS&THPT Ngô Thời Nhiệm
Năm học 2025- 2026

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN ĐỊA LÍ - KHỐI 11

Tên chủ đề	Nhận biết			Thông hiểu			Vận dụng			
	TN 4 lựa chọn	TN dạng Đ - S	TL	TN 4 lựa chọn	TN dạng Đ - S	TL	TN 4 lựa chọn	TN dạng Đ - S	TL	
Chủ đề 11. Kinh tế Hoa Kỳ	**10**									**TN: 10 câu (2.5đ)**
Số câu: ***Số điểm:*** ***Tỉ lệ: %***	*Số câu: 10* *Số điểm: 2.5* *Tỉ lệ:25%*									
Chủ đề 12. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Liên bang Nga	**3**				**2**					**TN: 5 câu (2.75đ)**
Số câu: ***Số điểm:*** ***Tỉ lệ: %***	*Số câu: 3* *Số điểm: 0.75* *Tỉ lệ: 7.5%*				*Số câu: 2* *Số điểm: 2.0* *Tỉ lệ: 20%*					
Chủ đề 13. Kinh tế Liên bang Nga	**3**				**1**					**TN: 4 câu (1.75đ)**
Số câu: ***Số điểm:*** ***Tỉ lệ: %***	*Số câu: 3* *Số điểm: 0.75* *Tỉ lệ: 7.5%*				*Số câu: 1* *Số điểm: 1.0* *Tỉ lệ: 10%*					
Kĩ năng vẽ và nhận xét biểu đồ									**1**	**TL: 1 câu (3.0 đ)**
Số câu: ***Số điểm:*** ***Tỉ lệ: %***									*Số câu: 1* *Số điểm: 3.0 Tỉ lệ: 30%*	

TS câu: TS điểm: Tỉ lệ: %	**Số câu: 16; Số điểm: 4.0đ** **Tỉ lệ: 40%**	**Số câu: 3; Số điểm: 3.0đ** **Tỉ lệ: 30%**	**Số câu: 1; Số điểm: 3.0đ** **Tỉ lệ: 30%**	

TTCM

NGUYỄN THỊ ĐỨC

Trường TiH, THCS&THPT Ngô Thời Nhiệm
Năm học 2025 – 2026

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

MÔN: ĐỊA LÍ - Lớp 11

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	*Nhận biết*	*Thông hiểu*	*Vận dụng*
1	**Chủ đề 11. Kinh tế Hoa Kỳ**	- Quy mô nền kinh tế và vị thế trên thế giới - Cơ cấu kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ) - Phân bố sản xuất và các vùng kinh tế	**Nhận biết:** Trình bày được quy mô, vị thế và cơ cấu kinh tế Hoa Kỳ. **Thông hiểu:** Giải thích được nguyên nhân phát triển mạnh của các ngành và sự phân bố kinh tế theo vùng. **Vận dụng:** Nhận xét bảng số liệu, biểu đồ về GDP, cơ cấu ngành; liên hệ vai trò của Hoa Kỳ trong kinh tế thế giới.	**10**		
2	**Chủ đề 12. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Liên bang Nga**	- Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ - Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên - Đặc điểm dân cư và xã hội	**Nhận biết:** Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, tự nhiên, dân cư của Liên bang Nga. **Thông hiểu:** Phân tích được thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên, dân cư đối với phát triển kinh tế. **Vận dụng:** Nhận xét bản đồ, lược đồ tự nhiên – dân cư; liên hệ ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đến phân bố dân cư.	**3**	**2**	
3	**Chủ đề 13. Kinh tế Liên bang Nga**	- Khái quát nền kinh tế Nga - Các ngành kinh tế chủ yếu (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ) - Phân bố sản xuất công nghiệp	**Nhận biết:** Trình bày được đặc điểm chung và các ngành kinh tế chủ yếu của Liên bang Nga. **Thông hiểu:** Giải thích được vai trò của tài nguyên, công nghiệp truyền thống trong phát triển kinh tế Nga. **Vận dụng:** Nhận xét số liệu, biểu đồ kinh tế; xác định trên bản đồ các trung tâm công nghiệp quan trọng.	**3**	**1**	
4	**Kĩ năng vẽ và nhận xét biểu đồ**		**Vận dụng** Nắm vững kĩ năng vẽ và nhận xét biểu đồ cột hoặc biểu đồ đường			**1**
Số câu/ loại câu				16 câu TNKQ	3 câu TN Đ-S	1 câu TL
Tổng hợp chung				**40%**	**30%**	**30%**

TTCM

NGUYỄN THỊ ĐỨC

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HK2 MÔN GDKT&PL 11

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			*Đúng-Sai*									
			Biết	**Hiểu**	**Vận dụng**	**Biết**	**Hiểu**	**Vận dụng**	**Biết**	**Hiểu**	**Vận dụng**	**Biết**	**Hiểu**	**Vận dụng**	
1	**Chủ đề 7: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật**	Bài 11: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc	C1,C2	C3								2	1		**7,5%**
2	**Chủ đề 8: Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân**	Bài 14: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử	C4			1				1		2	1		**22,5%**
		Bài 15: Quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo	C5,C6 C8,C9	C7		1						5	1		**22,5%**

		Bài 16: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc	C10,C11								1	2		1	**25%**
3	**Chủ đề 9: Một số quyền tự do cơ bản của công dân**	Bài 17: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân	C12, C13, C14	C15, C16			1					3	3		**22,5%**
Tổng số câu			**12,0**	**4,0**		**2,0**	**1,0**			**1,0**	**1,0**	**14,0**	**6,0**	**1,0**	**21**
Tổng số điểm			**4,0**			**3,0**				**3,0**		**5,0**	**3,0**	**2,0**	**10**
Tỉ lệ %			**40**			**30**				**30**		**50**	**30**	**20**	**100%**

2. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HK2 MÔN GDKT&PL 11

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá								
				TNKQ						Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			*Đúng-Sai*					
				Biết	**Hiểu**	**Vận dụng**	**Biết**	**Hiểu**	**Vận dụng**	**Biết**	**Hiểu**	**Vận dụng**
1	**Chủ đề 7: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật**	Bài 11: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc	**- Biết:** Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giữa các dân tộc **- Hiểu:** Trình bày được ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc	C1,C2	C3							
2	**Chủ đề 8: Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân**	Bài 14: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử	**- Biết:** Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ	C4			1				1	

			công dân về bầu cử và ứng cử **- Hiểu:** Trình bày được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử									
		Bài 15: Quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo	**- Biết:** Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo **- Hiểu:** Trình bày được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ	C5,C6 C8,C9	C7		1					

			công dân về khiếu nại, tố cáo									
		Bài 16: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc	**- Biết:** Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc. **- Vận dụng:** + Đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc. + Phân tích được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên	C10,C11								1

			quan đến quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc.									
3	**Chủ đề 9: Một số quyền tự do cơ bản của công dân**	Bài 17: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân	**- Biết:** + Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân **- Hiểu:** + Trình bày được hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể và	C12, C13, C14	C15, C16			1				

			quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân +Trách nhiệm của học sinh trong thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân										
Tổng số câu				**12,0**	**4,0**		**2,0**	**1,0**			**1,0**	**1,0**	
Tổng số điểm				**4,0**			**3,0**				**3,0**		
Tỉ lệ %				**40**			**30**				**30**		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG NGÔ THỜI NHIỆM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2026

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II- NĂM HỌC: 2025 -2026

KHỐI 11

I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

- Nội dung: Chủ đề 7 và chủ đề 8 GDĐP 11. Tỉ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.
- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- Thời gian: 45 phút.

Stt	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng số câu		Tổng thời gian	Tỉ lệ %	tổng số câu TN và TL
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		Vận dụng		Vận dụng cao						
			Câu hỏi TN	Thời gian	Câu hỏi TN	Thời gian	Câu hỏi TL	Thời gian	Câu hỏi TL	Thời gian	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL			
1	**Chủ đề 7:** Giáo dục STEM và định hướng nghề nghiệp trong kỉ nguyên mới **(3 tiết)**	– Trình bày được vai trò của giáo dục STEM trong việc định hướng và lựa chọn nghề nghiệp, liên hệ với bối cảnh phát triển các ngành kinh tế trọng điểm của địa phương như công nghiệp, cảng biển, du lịch và nông nghiệp công nghệ cao – Vận dụng kiến thức liên môn STEM để giải quyết một vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và các ngành nghề liên quan đang có nhu	*4*		*2*		*1*				*6*	*1*	*20,25*	*50%*	**8**

		cầu nhân lực lớn tại địa phương. – Thiết kế được một sản phẩm hoặc mô hình ứng dụng STEM nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo ra các giải pháp sáng tạo trong các ngành dịch vụ, du lịch hoặc nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đặc thù của địa phương.												
2	**Chủ đề 8:** Phong tục, luật tục và giáo dục pháp luật ở Thành phố Hồ Chí Minh **(3 tiết)**	– Hiểu được thế nào là phong tục, luật tục và pháp luật. – Mối quan hệ giữa phong tục, luật tục và pháp luật. – Công tác giáo dục pháp luật ở Thành phố Hồ Chí Minh. – Phổ biến nét đẹp của phong tục, luật tục trong đời sống hiện nay.	*6*		*2*				*1*		*8*	*1*	*20,25*	*50%*	**8**
Tổng			**10**		**4**		***1***		*1*		***14***	**2**	**45**	*100 %*	**16**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG NGÔ THỜI NHIỆM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2026

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II- GDĐP 11 - NĂM HỌC: 2025-2026

I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

- Nội dung: Chủ đề 7 và chủ đề 8. Tỉ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.
- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- Thời gian: 45 phút.

Stt	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kĩ năng cần kiểm tra	Câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
				Câu hỏi TN	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL	Câu hỏi TL
1	**Chủ đề 7:** Giáo dục STEM và định hướng nghề nghiệp trong kỉ nguyên mới	– Trình bày được vai trò của giáo dục STEM trong việc định hướng và lựa chọn nghề nghiệp, liên hệ với bối cảnh phát triển các ngành kinh tế trọng điểm của địa phương như công nghiệp, cảng biển, du lịch và nông nghiệp công nghệ cao – Vận dụng kiến thức liên môn STEM để giải quyết một vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và các ngành nghề	**Nhận biết** - Kể tên được các ngành kinh tế trọng điểm đang phát triển tại địa phương (công nghiệp, cảng biển, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao). - Nêu được các lĩnh vực nghề nghiệp cốt lõi đang có nhu cầu nhân lực lớn liên quan trực tiếp đến giáo dục STEM. **Thông hiểu**	*4*	*2*	*1*	

		liên quan đang có nhu cầu nhân lực lớn tại địa phương. – Thiết kế được một sản phẩm hoặc mô hình ứng dụng STEM nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo ra các giải pháp sáng tạo trong các ngành dịch vụ, du lịch hoặc nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đặc thù của địa phương.	- Trình bày được vai trò của giáo dục STEM trong việc giúp học sinh khám phá năng lực bản thân, từ đó định hướng và lựa chọn nghề nghiệp phù hợp. - Liên hệ và phân tích được sự tương thích giữa các kỹ năng STEM với bối cảnh thực tiễn và định hướng phát triển của các ngành kinh tế mũi nhọn tại địa phương. **Vận dụng cao** - Vận dụng được kiến thức liên môn (Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Toán học) để lập luận, đề xuất phương án và giải quyết triệt để một vấn đề thực tiễn đang tồn tại trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp tại địa phương. - Thiết kế, chế tạo được một sản phẩm, mô hình hoặc bản phác thảo giải pháp sáng tạo mang tính ứng dụng thực tế, nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả cho ngành dịch vụ, du lịch hoặc nông nghiệp công nghệ cao. - Thuyết minh và bảo vệ được tính khả thi, nguyên lý hoạt động và giá trị thực tiễn của sản phẩm/mô hình STEM đã thiết kế.				

2	**Chủ đề 8:** Phong tục, luật tục và giáo dục pháp luật ở Thành phố Hồ Chí Minh	– Hiểu được thế nào là phong tục, luật tục và pháp luật. – Mối quan hệ giữa phong tục, luật tục và pháp luật. – Công tác giáo dục pháp luật ở Thành phố Hồ Chí Minh. – Phổ biến nét đẹp của phong tục, luật tục trong đời sống hiện nay.	**Nhận biết** - Nêu được định nghĩa khái quát thế nào là phong tục, luật tục và pháp luật. - Kể tên/ Liệt kê được một số phong tục, luật tục quen thuộc trong đời sống cộng đồng. - Trình bày được các hình thức, hoạt động giáo dục và phổ biến pháp luật đang được triển khai tại Thành phố Hồ Chí Minh (ví dụ: tuyên truyền tại trường học, tổ dân phố, qua các phương tiện truyền thông...). **Thông hiểu** - Phân tích được sự giống và khác nhau cơ bản giữa phong tục, luật tục và pháp luật (về phạm vi áp dụng, tính bắt buộc, hình thức xử lý vi phạm...). - Giải thích được mối quan hệ biện chứng: phong tục, luật tục tốt đẹp là cơ sở hỗ trợ cho pháp luật; ngược lại, pháp luật giúp điều chỉnh, loại bỏ những hủ tục lạc hậu. - Hiểu và lý giải được tầm quan trọng của công tác giáo dục pháp luật đối với việc giữ gìn an ninh trật tự và phát triển xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh. **Vận dụng cao** - Biết đánh giá, phản biện một hiện tượng/tình huống thực tế tại địa phương để chỉ ra đâu là nét đẹp phong tục cần giữ gìn, đâu là hủ tục trái pháp luật cần mạnh dạn loại bỏ.	*6*	*2*		*1*

			- Về hành động thực tiễn: Đề xuất được các giải pháp, sáng kiến cá nhân hoặc xây dựng được một kế hoạch/ dự án nhỏ nhằm phổ biến, tôn vinh những nét đẹp của phong tục, luật tục kết hợp với tuyên truyền pháp luật tại lớp học, nhà trường hoặc khu dân cư nơi mình sinh sống. - Về thái độ: Tự giác thực hiện và lan tỏa những hành vi tuân thủ pháp luật, tôn trọng các phong tục tốt đẹp đến những người xung quanh.				
Tổng số câu: 16				**10**	**4**	*1*	*1*

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG TH,THCS và THPT NGÔ THỜI NHIỆM
TỔ: GDTC-GDQPAN

MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC: 2025-2026
MÔN: GDQPAN - LỚP 11

I. Mục đích yêu cầu:

1. Kiến thức: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong bài 8, bài 10

2. Năng lực: Đánh giá năng lực, nhận thức và tư duy qua những nội dung đã học, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thực hành đứng ném lựu đạn và lợi dụng địa hình, địa vật trong chiến đấu.

3. Phẩm chất: Giáo dục ý thức trung thực, tự giác, nghiêm túc trong quá trình kiểm tra.

II. Hình thức và số câu kiểm tra:

- Thực hành (10 điểm).
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III.Ma trận

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (Phút)	
			Số CH	Thời gian (Phút)	Số CH	Thời gian (Phút)	Số CH	Thời gian (Phút)	Số CH	Thời gian (Phút)	TN	TL		
1	Kỹ thuật sử dụng lựu đạn	Trường hợp vận dụng động tác đứng ném lựu đạn	1	2								1	2	10
		Thực hành động tác đứng ném lựu đạn					1	30				1	30	60
2	Lợi dụng địa hình, địa vật	Thực hành các động tác vận động lợi dụng địa hình, địa vật trong chiến đấu					1	13				1	13	**30**
Tổng			1	2			2	43			0	3	45	100
Tỉ lệ (%)			10		00		90		00					
Tỉ lệ chung (%)			**10**				**90**							

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026
Môn: GDQP- lớp 11 (Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Chủ đề : KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BỘ BINH (KỸ THUẬT SỬ DỤNG LỰU ĐẠN)**	Trường hợp vận đụng động tác đứng ném lựu đạn	**Nhận biết:** Nắm được trường hợp vận dụng động tác đứng ném lựu đạn trong chiến đấu	**(1đ)**			
		Thực hành động tác đứng ném lựu đạn xa trúng đích	**Vận dụng:** Thực hành động tác đứng ném lựu đạn xa trúng đích			**(6đ)**	
	Chủ đề : KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BỘ BINH (LỢI DỤNG ĐỊA HÌNH ĐỊA VẬT)	Thực hành lợi dụng các địa hình, địa vật trong chiến đấu	**Vận dụng: Thực hành cách lợi dụng địa hình địa vật tronng chiến đấu**			**(3đ)**	
Tổng số câu, điểm				**1 (*1 đ*)**		**2 (*9 đ*)**	
Tỉ lệ % các mức độ nhận thức				**10%**		**90%**	

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG TH,THCS,THPT NGÔ THỜI NHIỆM
TỔ GDTC-GDQPAN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC: 2025-2026
MÔN: GDTC LỚP 11 – BƠI LỘI

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Kiến thức: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong kĩ thuật xuất phát bơi trườn sấp và bơi ếch.

2. Năng lực: Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III.MA TRẬN

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			Tổng điểm %
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH		*Thời gian (phút)*	
			Số CH	*Thời gian (phút)*	*Số CH*	*Thời gian (phút)*	*Số CH*	*Thời gian (phút)*	*Số CH*	*Thời gian (phút)*	TN	TL		
1	**Kĩ thuật bơi trườn sấp**	Kĩ thuật bơi ếch	1	1	1	1	3	3			5		5	50
		Kĩ thuật bơi trườn sấp	1	1	1	1	3	3			5		5	

		Thực hành (chọn 1 trong 2 đề) - Đề 1: Bơi trườn sấp 50m tính thời gian - Đề 2: Bơi ếch 50m tính thời gian							1	30		1	30	50
		Tổng	2	2	2	2	6	6	1	30				
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			**10**		**10**		**30**		**50**					

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026
Môn: GDTC Lớp 11 – BƠI LỘI (Trắc nghiệm và Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Kĩ thuật bơi	Kĩ thuật bơi ếch	- Nhận biết: Nhận ra tư thế cơ bản của bơi ếch: thân người nằm sấp, tay quạt sang ngang rồi khép lại, chân co và đạp ra sau. Biết các giai đoạn chính: động tác tay, động tác chân, thở và phối hợp toàn thân. - Thông hiểu: Giải thích được vì sao phải phối hợp tay, chân và nhịp thở đúng lúc. Phân biệt được lỗi thường gặp như đạp chân không đúng, tay quạt quá rộng hoặc ngẩng đầu quá cao. - Vận dụng: Thực hiện được các động tác tay, chân và thở đúng kỹ thuật; phối hợp hoàn chỉnh động tác bơi ếch trong thực tế. Vận dụng kiểu bơi ếch để bơi quãng ngắn, quãng dài hoặc tham gia học tập, rèn luyện sức khỏe.	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(1,5 đ)	
		Kĩ thuật bơi trườn sấp	- Nhận biết: Nhận ra tư thế cơ bản: người nằm sấp, tay quạt nước luân phiên, chân đập liên tục. Biết các bộ phận phối hợp trong bơi trườn sấp gồm tay, chân, thân người và nhịp thở. - Thông hiểu: Giải thích được vì sao cần phối hợp nhịp nhàng giữa tay, chân và hơi thở. Hiểu rằng tay tạo lực kéo chính, chân giúp giữ thăng bằng và hỗ trợ di chuyển. Phân biệt được các lỗi thường gặp như ngẩng đầu quá cao, đập chân quá mạnh hoặc thở sai nhịp. - Vận dụng: Thực hiện đúng động tác tay, chân và thở của kiểu bơi trườn sấp. Phối hợp hoàn chỉnh các động tác để bơi được một quãng ngắn. Vận dụng kỹ thuật để bơi nhanh, tiết kiệm sức và sửa các lỗi sai khi thực hành.	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(1,5 đ)	

		Thực hành (chọn 1 trong 2 đề) - Đề 1: Bơi trườn sấp 50m tính thời gian - Đề 2: Bơi ếch 50m tính thời gian	- Nhận biết: nhận biết kiểu bơi - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng nhịp độ, biên độ. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.				1 (5đ)

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG TH,THCS,THPT NGÔ THỜI NHIỆM
TỔ GDTC-GDQPAN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC: 2025-2026
MÔN: GDTC LỚP 11 – BÓNG CHUYỀN

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Kiến thức: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 1: Kỹ thuật đập bóng xoay người và phát bóng cao tay.
2. Năng lực: Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
3. Phẩm chất: Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III.MA TRẬN

STT	**Nội dung kiến thức**	**Đơn vị kiến thức**	**Mức độ nhận thức**								**Tổng**			**Tổng điểm %**
			Nhận biết		**Thông hiểu**		**Vận dụng**		**VD cao**		**Số CH**		***Thời gian (phút)***	
			Số CH	*Thời gian (phút)*	*Số CH*	*Thời gian (phút)*	*Số CH*	*Thời gian (phút)*	*Số CH*	*Thời gian (phút)*	TN	TL		
b1	**Chủ đề 1: Kĩ thuật đập bóng**	Khái niệm và tác dụng của kỹ thuật đập bóng xoay người.	1	1	1	1	3	3			5		5	50
		Kỹ thuật phát bóng cao tay.	1	1	1	1	3	3			5		5	

		Thực hành: Kỹ thuật đập bóng xoay người.							1	15				25
		Thực hành: Kĩ thuật phát bóng cao tay							1	20				25
Tổng			2	2	2	2	6	6			10		10	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		30		50		50			

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026
Môn: GDTC Lớp 11 BÓNG CHUYỀN (Trắc nghiệm và Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: **Kĩ thuật đập bóng**	Kĩ thuật đập bóng xoay người	- Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật đập bóng. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sữa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(1,5 đ)	
		Kĩ thuật phát bóng cao tay.	- Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật phát bóng. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sữa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(1,5 đ)	
		Thực hành: Kĩ thuật đập bóng xoay người	- Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi chạy đà – bật nhảy. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng chuyền.				1(2,5 đ)
		Thực hành: Kĩ thuật phát bóng cao tay.	- Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi phát bóng. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng chuyền.				1(2,5 đ)

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG TH,THCS,THPT NGÔ THỜI NHIỆM
TỔ GDTC-GDQPAN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC: 2025-2026
MÔN: GDTC LỚP 11 – BÓNG ĐÁ

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Kiến thức: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 4: Kĩ thuật dánh đầu.

2. Năng lực: Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III.MA TRẬN

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			Tổng điểm %
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH		*Thời gian (phút)*	
			Số CH	*Thời gian (phút)*	*Số CH*	*Thời gian (phút)*	*Số CH*	*Thời gian (phút)*	*Số CH*	*Thời gian (phút)*	TN	TL		
1	**Chủ đề 4: Kĩ thuật đánh đầu**	Kĩ thuật bật nhảy đánh đầu bằng trán giữa.	1	1	1	1	3	3			5		5	50
		Kĩ thuật tại chỗ đánh đầu bằng trán bên.	1	1	1	1	3	3			5		5	

		Thực hành: Kĩ thuật bật nhảy đánh đầu bằng trán giữa.							1	18				25
		Thực hành: Kĩ thuật tại chỗ đánh đầu bằng trán bên.							1	17				25
Tổng			2	2	2	2	6	6			10		10	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		30		50		50			

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026
Môn: GDTC Lớp 11 – BÓNG ĐÁ (Trắc nghiệm và Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: Kĩ thuật đánh đầu.	Kĩ thuật bật nhảy đánh đầu bằng trán giữa.	- Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật bật nhảy đánh đầu bằng trán giữa. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sữa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(1,5 đ)	
		Kĩ thuật tại chỗ đánh đầu bằng trán bên.	- Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật tại chỗ đánh đầu bằng trán bên. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sữa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(1,5 đ)	
		Thực hành: Kĩ thuật bật nhảy đánh đầu bằng trán giữa.	- Thông hiểu: Nắm được kĩ thuật bật nhảy đánh đầu bằng trán giữa. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng đá.				1(2,5 đ)
		Thực hành: Kĩ thuật tại chỗ đánh đầu bằng trán bên.	- Thông hiểu: Nắm được kĩ thuật tại chỗ đánh đầu bằng trán bên. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng đá.				1(2,5 đ)

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG TH,THCS và THPT NGÔ THỜI NHIỆM
TỔ GDTC-GDQPAN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC: 2025-2026
MÔN: GDTC LỚP 11-BÓNG RỔ

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Kiến thức: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 3: Kĩ thuật ném rổ.

2. Năng lực: Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III.MA TRẬN

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			Tổng điểm %
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH		*Thời gian (phút)*	
			Số CH	*Thời gian (phút)*	*Số CH*	*Thời gian (phút)*	*Số CH*	*Thời gian (phút)*	*Số CH*	*Thời gian (phút)*	TN	TL		
1	**Chủ đề : Kĩ thuật ném rổ**	Kĩ thuật chuyền bắt bóng và ném rổ.	1	1	1	1	3	3			5		5	50
		Kĩ thuật xoay người 180 độ ném rổ.	1	1	1	1	3	3			5		5	

		Thực hành:. Kĩ thuật chuyền bắt bóng và ném rổ							1	15				25
		Thực hành: Kĩ thuật xoay người 180 độ ném rổ .							1	20				25
Tổng			2	2	2	2	6	6			10		10	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		30		50		50			

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026
Môn: GDTC Lớp 11 (Trắc nghiệm và Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: **Kĩ thuật ném rổ**.	Kĩ thuật chuyền bắt bóng và ném rổ	- Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kĩ thuật Kĩ thuật chuyền bắt bóng và ném rổ đúng kỹ thuật. - Thông hiểu: Thực hiện động tác đúng tư thế, có thể sửa lỗi sai cho bạn tập. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào luyện tập và thi đấu thực tế. - Vận dụng cao: Phối hợp kỹ thuật linh hoạt trong thi đấu và tập luyện.	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(1,5 đ)	
		Kĩ thuật xoay người 180 độ ném rổ.	- Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác xoay người 180 độ ném rổ. - Thông hiểu: Thực hiện động tác đúng tư thế, có thể sửa lỗi sai cho bạn tập. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào luyện tập và thi đấu thực tế. - Vận dụng cao: Phối hợp kỹ thuật linh hoạt trong thi đấu và tập luyện.	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(1,5 đ)	
		Thực hành: Kĩ thuật chuyền bắt bóng và ném rổ	- Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi chuyền bắt bóng và ném rổ. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng rổ.				1(2,5 đ)
		Thực hành: Kĩ thuật xoay người 180 độ ném rổ.	- Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi ném rổ. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng rổ.				1(2,5 đ)

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG TH,THCS,THPT NGÔ THỜI NHIỆM
TỔ GDTC-GDQPAN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC: 2025-2026
MÔN: GDTC LỚP 11 – CẦU LÔNG

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Kiến thức: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 1: Kĩ thuật treo cầu.

2. Năng lực: Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III.MA TRẬN

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			Tổng điểm %
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH		*Thời gian (phút)*	
			Số CH	*Thời gian (phút)*	*Số CH*	*Thời gian (phút)*	*Số CH*	*Thời gian (phút)*	*Số CH*	*Thời gian (phút)*	TN	TL		
b1	**Chủ đề 1: Kĩ thuật treo cầu.**	Kĩ thuật treo cầu thuận tay.	1	1	1	1	3	3			5		5	50
		Kĩ thuật treo cầu trái tay.	1	1	1	1	3	3			5		5	

		Thực hành: Kĩ thuật treo cầu thuận tay.							1	15				25
		Thực hành: Kĩ thuật treo cầu trái tay.							1	20				25
Tổng			2	2	2	2	6	6			10		10	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		30		50		50			

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026
Môn: GDTC Lớp 11- CẦU LÔNG (Trắc nghiệm và Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: Kĩ thuật treo cầu.	**Kĩ thuật treo cầu thuận tay.**	- Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kỹ thuật treo cầu thuận tay. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sữa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(1,5 đ)	
		Kĩ thuật treo cầu trái tay.	- Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kỹ thuật treo cầu trái tay. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sữa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(1,5 đ)	
		Thực hành: Kĩ thuật treo cầu thuận tay.	- Thông hiểu: Nắm được kỹ thuật treo cầu thuận tay. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu cầu lông.				1(2,5 đ)
		Thực hành: Kĩ thuật treo cầu trái tay.	- Thông hiểu: Nắm được kỹ thuật treo cầu trái tay. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu cầu lông.				1(2,5 đ)

Trường TH- THCS-THPT Ngô Thời Nhiệm

Tổ Nghệ Thuật.

Bộ môn: Âm nhạc.

ĐẶC TẢ NỘI DUNG ÂM NHẠC LỚP 11 HỌC KÌ II

NĂM HỌC: 2025-2026

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
1	Hát	**Bài 1** – *Thành phố tôi yêu* (Nhạc và lời: Hoàng Hiệp) – *Mong ước kỷ niệm xưa* (Nhạc và lời: Nguyễn Xuân Phương) **Bài 2** - *Ngắm mưa* (Nhạc và lời: Lê Vĩnh Phúc) - *Mơ làm chim trắng (*Nhạc và lời: Nguyễn Ngọc Thiện) **Bài 3** *Dịu dàng sắc xuân* **(** Nhạc và lời : Nguyễn Nam) - *Một trái tim, một quê hương* (Nhạc và lời : Phạm Trọng Cầu) **Bài 4** **-** ***N****gôi trường giữa ngàn mây* (Nhạc và lời : Lê Dũng) - Lí Hoài Xuân (Dân ca Quảng trị- Thừa Thiên Huế	**Nhận biết:** - Nêu được tên bài hát, tên tác giả, nội dung, thể loại hoặc giá trị nghệ thuật của bài hát. - Nhận biết được câu, đoạn trong bài hát có hình thức rõ ràng.	x x	x
			Thông hiểu: - Cảm nhận được sắc thái và tình cảm của bài hát, sự hoà quyện của các bè. - Biết nhận xét, đánh giá về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người khác.	x x	
			Vận dụng: - Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái. - Hát rõ lời và thuộc lời; điều tiết hơi thở hợp lí; mở rộng âm vực; duy trì được tốc độ ổn định. - Biết hát đơn ca, song ca; hát tốp ca, đồng ca với 2 hoặc 3 bè đơn giản. - Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà;	x x x	x x x

		Sưu tầm và kí ấm : Nguyễn Viêm) - Lí con sao sang sông (Dân ca Nam Bộ Sưu tầm và kí âm Trần kiết Tường)	biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc		
			- Biết hát hợp xướng đơn giản	x	x
			- Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc đánh nhịp	x	x
			- Biết dàn dựng và biểu diễn bài hát ở trong và ngoài nhà trường.	x	

2	**Nhạc cụ**	**Bài 1** - Độc tấu*: All I Have To Do Is Dream* (Nhạc: Felice bryant và boudleaux bryant). - Đệm hát: *Mong ước kỷ niệm xưa* (Nhạc và lời: Nguyễn Xuân Phương) **Bài 2** - Độc tấu: +*Ach Du Liebber Augustin* (Dân ca áo) + *Rhythm Of The Rain* (Nhạc:Jonh Claude Gummoe) - Đệm hát: *Ngắm mưa* (Nhạc và lời: Lê Vĩnh Phúc) **Bài 3** - Độc tấu: *Donut* (Nhạc Stanislaw Moniuszko) - Đệm hát: *Mùa xuân đầu tiên* (Nhạc và lời : Văn Cao)	**Nhận biết:** Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.	x	
			Thông hiểu: - Biết nhận xét về cách chơi nhạc cụ của bản thân hoặc người khác.	x	
			- Biết bảo quản nhạc cụ và điều chỉnh âm thanh đúng cách.	x	
			Vận dụng: - Biết chơi nhạc cụ đúng kĩ thuật	x	x
			- Tự làm được nhạc cụ gõ đơn giản từ chất liệu sẵn có.	x	x
			- Thể hiện đúng cao độ, trường độ, sắc thái các bài tập tiết tấu, giai điệu, hoà âm; duy trì được tốc độ ổn định.	x	x
			- Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu và hoà tấu.	x	x

		Bài 4 - Hoà tấu + *Waltz no 2* (Nhạc: Georgy Sviridove) + Trên đồng trong rừng (Dân ca Đan Mạch	bản nhạc; biết ứng tác và biến tấu đơn giản khi chơi nhạc cụ.	x	x
			- Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc. - Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu hoặc đệm cho bài hát. - Biết biểu diễn nhạc cụ ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp.	x x x	x x

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2025-2026
MÔN MĨ THUẬT LỚP 11

Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
Mĩ thuật tạo hình (Hội họa/Đồ họa)	**Yếu tố và nguyên lí tạo hình:** - Chấm, nét, hình, mảng, màu sắc, không gian, chữ viết. - Cân bằng, tương phản, nhịp điệu, tỉ lệ, hài hòa. **Thể loại: Tranh Áp phích** (Thiết kế đồ họa)	**Nhận biết:** - Xác định được nội dung chủ đề và thông điệp cần truyền tải. **Thông hiểu:** - Biết cách sử dụng chất liệu phù hợp. - Hiểu cách sắp xếp bố cục giữa hình ảnh và kiểu chữ trong áp phích. **Vận dụng:** - Vận dụng được nguyên lí tương phản (về màu sắc, kích thước hình - chữ) để tạo sự chú ý. - Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân và nhóm. **Vận dụng cao:** - Biết cách đặt câu hỏi và trao đổi sâu về ý nghĩa tác phẩm. - Ứng dụng được sản phẩm vào việc tuyên truyền trong thực tế trường học hoặc cộng đồng.